BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14427/BTC-UBCK	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024*
V/v lấy ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 09 Luật, trong đó có Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và có các điều khoản giao Chính phủ hướng dẫn, quy định chi tiết. Bộ Tài chính đã dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sửa đổi) 2024.

Căn cứ Công văn số 4663/VPCP-KTTH ngày 03/7/2024 và Công văn số 6025/VPCP-KTTH ngày 23/8/2024 giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán theo trình tự, thủ tục rút gọn (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Thực hiện nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã lấy ý kiến các Bộ, ngành và lấy ý kiến bằng văn bản các đối tượng chịu tác động trực tiếp đối với dự thảo Nghị định, đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trên cơ sở các ý kiến nêu trên, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bảng tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, Bảng tổng hợp ý kiến các đối tượng chịu tác động, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách (*dự thảo và Bảng tổng hợp gửi kèm*).

Kính đề nghị Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định và gửi về Bộ Tài chính trước ngày **30/12/2024** để Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định, trình Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế-BTC;
- Lưu: VT, UBCK (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 404 /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

(TÀI LIỆU GỬI XIN Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2024 theo thông báo tại Công văn số 4663/VPCP-KTTH ngày 03/7/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, đánh giá sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 155/2020/NĐ-CP

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định về việc "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*".

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV đã giao:

"*c) ...Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng cường quản lý, giám sát các thị trường chứng khoán,...*"

đ) Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân

hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan;

e) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, khắc phục kịp thời, hiệu quả tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức, xử lý nghiêm các vi phạm. Sớm đề xuất ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định cụ thể cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

h) Tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính..."

- Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021-2030 tại Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển (Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam): "*Xây dựng và hoàn thiện nền tài chính quốc gia; cơ cấu lại, tăng cường giám sát và điều tiết thị trường tài chính... Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các thị trường tài chính, chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu; quản lý chặt chẽ các tổ chức tham gia thị trường; bảo đảm tính thanh khoản cao và an toàn hệ thống. Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán để thực sự trở thành một kênh huy động vốn chủ yếu của nền kinh tế... Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp*".

- Tại Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 đã xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, trong đó có nội dung về : "*Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán*". Tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 xác định "*Phát triển mạnh các loại thị trường. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt tối thiểu 85% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP, trong đó dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 20% GDP... Cơ cấu lại và phát triển thị trường chứng khoán, mở rộng năng lực thị trường vốn; nâng cao tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp*

pháp của nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro hệ thống".

- Tại Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/7/2022 của Chính phủ về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, Chính phủ giao Bộ Tài chính *"rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp để trình Chính phủ sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán"*.

- Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển TTCK năm 2024 và Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 27/3/2024, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quốc tế.

- Ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính (có hiệu lực ngày 01/01/2025), có các điều khoản giao Chính phủ hướng dẫn, quy định chi tiết. Do đó, cần quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sửa đổi) tại Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 26/11/2019, Quốc hội đã thông qua Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong đó Luật Chứng khoán giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung để hướng dẫn triển khai thi hành Luật. Trên có sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành 25 điều, khoản được giao tại Luật Chứng khoán, với 311 Điều và 105 mẫu phụ lục, điều chỉnh các nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán; tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán; tổ chức trung gian trên thị trường; quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Trên cơ sở các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành 19 Thông tư hướng dẫn các nội dung về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Quá trình triển khai thi hành cho thấy hệ thống văn bản pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK) về cơ bản đã ngày càng tiệm cận với thông lệ chuẩn quốc tế, đáp ứng cơ bản được công tác điều hành, tổ chức, quản lý, giám sát toàn diện các hoạt động trên thị trường, bảo đảm phát triển thị trường chứng khoán an toàn, công khai, minh bạch và bền vững.

Tuy nhiên, qua hơn 03 năm triển khai thi hành, một số quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung vì các lý do sau:

Thứ nhất, một số quy định tại Nghị định cần được điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn phát sinh, nhằm bảo vệ tốt hơn nhà đầu tư tham gia TTCK như quy định chặt chẽ hơn điều kiện về chào bán trái phiếu ra công chúng; chào bán, phát hành chứng khoán để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác.

Thứ hai, một số quy định tại Nghị định còn có hạn chế, bất cập khi triển khai thực hiện trên thực tiễn như quy trình chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng (IPO) chưa gắn với quá trình niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) dẫn đến chưa thu hút được các doanh nghiệp thực hiện IPO trên TTCK; một số quy định về hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu, hủy bỏ niêm yết trái phiếu còn chưa phù hợp, chưa có quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu; một số quy định còn chưa rõ ràng, có thể gây các cách hiểu không thống nhất trong áp dụng pháp luật như khái niệm cơ cấu lại doanh nghiệp, xác định Báo cáo tài chính là căn cứ áp dụng các điều kiện liên quan đến chào bán, phát hành, niêm yết chứng khoán trong trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ...;

Thứ ba, một số quy định tại Nghị định chưa phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan mới ban hành như quy định về tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK còn chưa thống nhất với quy định về hạn chế tiếp cận thị trường tại pháp luật đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP); quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn chưa thống nhất với pháp luật các tổ chức tín dụng.

Thứ tư, một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán hiện nay vẫn đang được quy định tại các Thông tư như thủ tục về chào bán chứng quyền có bảo đảm (Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016), thủ tục về cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015) cần thiết phải đưa lên cấp Nghị định, nhằm tuân thủ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015.

Thứ năm, liên quan đến việc đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)

- Về việc triển khai thực hiện chính sách mục tiêu chuyển đổi số quốc gia, ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án *"Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030"*. Để phục vụ mục tiêu chuyển đổi số quốc gia, Bộ Tài chính đã rà soát để sửa đổi một số điều khoản theo hướng không yêu cầu nộp các loại giấy tờ cá nhân như Bản sao CCCD, CMND, Bằng tốt nghiệp, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh và xác thực điện tử trên ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác định điện tử.

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, trong đó có một số thủ tục được quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, cụ thể: Nghị quyết 104/NQ-CP ngày 09/10/2017, Quyết định 412/QĐ-TTg ngày 14/5/2024. Bộ Tài chính đã có Quyết định số 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024, Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 về thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng dự thảo nghị định

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định (sửa đổi)) nhằm tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong việc hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán, phù hợp với Luật Chứng khoán (sửa đổi), khắc phục một số bất cập phát sinh trong thực tiễn hoạt động của thị trường chứng khoán, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bảo đảm thị trường chứng khoán hoạt động công bằng, công khai, minh bạch, an toàn và hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo nghị định

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của VBQPPL;

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL;

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các hoạt động trên TTCK; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và sự công bằng cho các tổ chức, cá nhân trên TTCK và công khai, minh bạch của quy định pháp luật; đồng thời, đảm bảo tính khả thi, kịp thời, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với TTCK.

- Đảm bảo tính kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư chứng khoán và hoạt động trên TTCK Việt Nam; Cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt

động về chứng khoán và TTCK.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Việc tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định thực hiện theo quy trình, thủ tục rút gọn theo Công văn số 4663/TB-VPCP ngày 03/7/2024 (đồng ý điều chỉnh Chương trình công tác năm 2024 đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) và Công văn số 6025/VPCP-KTTH ngày 23/8/2024 (VPCP thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn).

Để triển khai xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã đánh giá mức độ tác động đến hoạt động của các đối tượng điều chỉnh nêu trên, báo cáo Bộ cho phép thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhưng rút ngắn hơn về thời gian thực hiện. Việc tổ chức xây dựng Dự thảo Nghị định thực hiện theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016. Bộ Tài chính đã thực hiện như sau:

1. Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 với các thành viên là đại diện Bộ Tài chính và một số Bộ, ngành liên quan như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuyên gia, nhà khoa học theo Quyết định số 2627/QĐ-BTC ngày 04/11/2024.

2. Họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 28/11/2024 (trước khi họp Ban soạn thảo đã tổ chức cuộc họp Tổ biên tập ngày 18/11/2024).

3. Bộ Tài chính đã đăng tải toàn văn Dự thảo Nghị định và Tờ trình trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính từ ngày 08/12/2024 để lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động theo quy định tại Điều 91 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến bằng văn bản đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ, ngành liên quan; các hiệp hội và các công ty đại chúng (Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024). Thời hạn đăng website đối với dự thảo là 10 ngày, thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản trước ngày 14/12/2024.

4. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, đối tượng tác động, Bộ Tài chính gửi hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

5. Bộ Tài chính đã gửi Công văn số .... lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày ...., Bộ Tư pháp đã ban hành Báo cáo thẩm định Dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, phụ lục, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Về chào bán, phát hành chứng khoán

Thứ nhất, bổ sung các nội dung để quy định chi tiết và phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi gồm:

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định 155 về hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng (CTĐC) để thống nhất với Điều 15 Luật Chứng khoán (sửa đổi) về việc *không quy định tỷ lệ chào bán thành công (70%) đối với trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu.*

- Bổ sung quy định tại Điều 19 Nghị định 155 về điều kiện liên quan đến hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng theo điều giao tại điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán sửa đổi (*Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm).* Theo đó, dự kiến sửa đổi Nghị định 155 như sau:

+ *Các trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng phải có xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu hoặc tổ chức xếp hạng*, để doanh nghiệp tiếp cận dần với văn hóa xếp hạng tín nhiệm (XHTN), nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động chào bán trái phiếu ra công chúng.

+ *Giá trị TPDN phát hành theo mệnh giá không lớn hơn VCSH:* Quy định này nhằm tránh phát hành một lần quá lớn, không phù hợp với tiến độ giải ngân, sử dụng vốn; đồng thời cũng để phù hợp với quy định phát hành cổ phiếu ra công chúng (điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán).[1]

---

[1] Điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán:

c) Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ trường hợp có bảo lãnh phát hành với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành để hoán đổi, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;

*+ Hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành, ngoại trừ trái phiếu phát hành để cơ cấu lại khoản nợ) trên vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành không quá **4 lần**, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.*

Điều kiện này để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính của các tổ chức phát hành, đảm bảo thanh toán gốc và lãi cho nhà đầu tư, hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư và tình trạng "vốn mỏng" của doanh nghiệp; đồng thời cũng thống nhất với pháp luật liên quan.

Hệ số 4 lần là phù hợp, vừa đảm bảo an toàn tài chính, đồng thời hạn chế ảnh hưởng đến các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn cho phát triển nền kinh tế. Việc đưa hệ số này ở mức 4 lần xuất phát từ các lý do sau:

(1) Về pháp luật liên quan, một số pháp luật chuyên ngành đã đưa ra hạn chế về khả năng an toàn tài chính trong huy động vốn của doanh nghiệp, cụ thể:

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước: Theo quy định về huy động vốn của doanh nghiệp nhà nước tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP như sau: *Tổng mức vốn huy động để phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn của các công ty con do doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 189 Luật Doanh nghiệp phải bảo đảm hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn...".*

- Đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản: Theo điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP, doanh nghiệp phải đảm bảo *tổng tỷ lệ dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, dư nợ TPDN để thực hiện dự án không quá **04 lần** vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đối với mỗi dự án bất động sản có quy mô sử dụng đất dưới 20ha và không quá **5,67 lần** vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đối với mỗi dự án bất động sản có quy mô sử dụng đất từ 20ha trở lên.*

(2) Về số liệu thực tế, thống kê tỷ lệ nợ/VCSH của các doanh nghiệp trên sàn HOSE, HNX, UPCoM, các doanh nghiệp lớn trong rổ VN30 (không bao gồm ngân hàng), tỷ lệ trung bình năm 2022 và năm 2023 của các doanh nghiệp tương đối đồng đều trong các khu vực thị trường. Trong năm 2023 mức tỷ lệ với khối HNX dưới 1,3 lần, HOSE ở mức 1,6 lần, UPCoM ở mức 1,4 lần; đối với nhóm VN30 ở mức 2 lần.

Thống kê cho thấy, số lượng doanh nghiệp có hệ số nợ/VCSH trên 4 lần (căn cứ BCTC năm 2023 được kiểm toán) chiếm 5,8% số doanh nghiệp trên HNX. Tỷ lệ số doanh nghiệp này ở HOSE và UPCoM lần lượt là 4,7% và 1,5%.

Đối với một số doanh nghiệp lớn có ảnh hưởng đến nền kinh tế, căn cứ trên BCTC năm 2023 hợp nhất được kiểm toán, hệ số tại một số doanh nghiệp như Vingroup - VIC (3.5) , Novaland - NVL (4.33), Masan - MSN (2.85)...; hệ số tại

một số doanh nghiệp cơ sở hạ tầng như Hạ tầng giao thông Đèo Cả - HHV (3.21), Coteccons - CTD (1.58), CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh – CII (2.9)...

(3) Kinh nghiệm quốc tế: Hiện nay, nhiều TTCK phát triển không quy định giới hạn tỷ lệ nợ/VCSH và các điều kiện về tình hình tài chính khi doanh nghiệp phát hành ra công chúng, do nền kinh tế đã phát triển, mức độ minh bạch thông tin cao và nhà đầu tư tham gia thị trường đa phần là nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn trong đánh giá tình hình doanh nghiệp để đầu tư chứng khoán.

Qua tham khảo một số nước có quy định về giới hạn tỷ lệ nợ/VCSH như Đài Loan, Trung Quốc, cụ thể:

- Trung Quốc:

Tại Điều 16 Luật Chứng khoán 2005 quy định: *Tổng số dư trái phiếu doanh nghiệp không vượt quá 40% VCSH; Lợi nhuận có thể phân phối trung bình của công ty trong từng năm trong 03 năm liền trước thời điểm phát hành phải đủ để trả tiền lãi 01 năm cho số trái phiếu công ty đang lưu hành; Mục đích sử dụng vốn phải phù hợp với các chính sách ngành của Nhà nước...*

Đến Luật Chứng khoán 2019, Trung Quốc quy định như sau: *Lợi nhuận có thể phân phối trung bình của công ty trong từng năm trong 03 năm liền trước thời điểm phát hành phải đủ để trả tiền lãi 01 năm cho số trái phiếu công ty đang lưu hành của công ty; Không có tình trạng vỡ nợ hoặc chậm trả tiền gốc và lãi đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán công ra công chúng hoặc các khoản nợ khác; Nguồn vốn huy động được thông qua chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng sẽ được sử dụng theo mục đích nêu trong bản cáo bạch và chỉ được chấp thuận thay đổi bằng nghị quyết được thông qua tại cuộc họp của những người sở hữu trái phiếu; Nguồn vốn huy động được từ chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng sẽ không được sử dụng để trang trải các khoản thâm hụt hoặc chi tiêu không hiệu quả...* (Điều 15 Luật Chứng khoán).

- Đài Loan quy định tại Điều 247 Luật Công ty như sau: *Tổng số tiền phát hành trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm, trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi hoặc trái phiếu doanh nghiệp có chứng quyền không được vượt quá 200% VCSH, với các TPDN không có bảo đảm không vượt quá 50% VCSH.*

Như vậy, Bộ Tài chính đề xuất hệ số nợ phải trả/VCSH ở mức 4 lần là phù hợp với thực tiễn, thông lệ và quy định hiện hành về doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Mức tỷ lệ này cũng đảm bảo còn dư địa cho các doanh nghiệp tiếp tục huy động vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn mà hoạt động của nó ảnh hưởng đến hạ tầng, nền kinh tế và các doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng có thể huy động thêm vốn, góp phần tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng ngoại trừ điều kiện về XHTN, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu đối với tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng và trái phiếu phát hành được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán (do các tổ chức tín dụng là các tổ chức đặc thù, có nghiệp vụ huy động vốn để cho vay và phải đảm bảo an toàn tài chính theo quy định pháp luật chuyên ngành, các TCTD luôn có dòng tiền sẵn sàng để thanh toán gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn; đối với các doanh nghiệp đã được các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh đã phải đáp ứng các tiêu chuẩn về xếp hạng tín dụng của chính các tổ chức này và được các tổ chức bảo lãnh thanh toán gốc, lãi trong trường hợp tổ chức phát hành gặp rủi ro).

- Sửa đổi quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại khoản 2 Điều 43 để *làm rõ các vấn đề phải được ĐHĐCĐ thông qua và được ủy quyền cho HĐQT thông qua,* tạo cơ sở rõ ràng, minh bạch cho doanh nghiệp khi thực hiện, thống nhất với quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán (sửa đổi).

- Sửa đổi quy định về phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty tại Điều 64, theo đó ngoại trừ thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành (01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành) đối với trường hợp được mua lại theo quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị công ty thông qua, thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 37 Luật Chứng khoán (sửa đổi).

Thứ hai, bổ sung các nội dung giải quyết vướng mắc, bất cập trên thực tiễn gồm:

- Sửa đổi, bổ sung thuật ngữ "cơ cấu lại doanh nghiệp" tại Khoản 14 Điều 3 Nghị định 155 để làm rõ căn cứ báo cáo tài chính (BCTC) xác định chỉ tiêu *tổng giá trị tài sản*, là căn cứ xác định giá trị giao dịch thuộc trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp; Bổ sung thuật ngữ "*ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi*" do Nghị định 155 chưa quy định nội dung này, làm cơ sở để tổ chức phát hành thực hiện các nghĩa vụ sau phát hành như đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung.

- Sửa đổi, bổ sung quy định để làm rõ loại BCTC mà doanh nghiệp phải nộp khi chào bán, phát hành chứng khoán (tại Điều 7 sửa đổi quy định về loại BCTC khi xem xét điều kiện về chào bán, phát hành như kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu; tại Điều 9 quy định về loại báo cáo tài chính phải nộp để thống nhất giữa hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu).

- Sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 155 để quy định về trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo hướng thống nhất các trường hợp huy động vốn để thực

hiện dự án và các mục đích không để thực hiện dự án, đảm bảo tính minh bạch và quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư.

- Bổ sung tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 155 quy định áp dụng điều kiện hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng trong vòng 02 năm, kể từ thời điểm hoàn thành việc cơ cấu lại (*tổ chức phát hành phải nộp báo cáo tổng hợp thông tin theo quy ước),* do Nghị định 155 chưa có quy định, nhằm đảm bảo phản ánh đầy đủ, minh bạch thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định tại Điều 49 Nghị định 155 làm rõ kỳ kế toán báo cáo tài chính của các công ty có cổ phần, phần vốn góp được hoán đổi phải *đảm bảo tối thiểu 12 tháng* để hạn chế tình trạng thực hiện việc phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các doanh nghiệp mới thành lập, hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu của công ty đại chúng có cổ phần được hoán đổi.

- Sửa đổi quy định tại Điều 50, Điều 58 Nghị định 155 về phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ và phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn, cụ thể như sau: *"Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để ĐHĐCĐ xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường".*

- Sửa đổi quy định về điều kiện, hồ sơ phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty tại Điều 64, Điều 65 để làm rõ các vấn đề phải được ĐHĐCĐ thông qua như đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng cổ phiếu phát hành; giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành; bổ sung quy định để làm rõ nguồn để tăng vốn cổ phần bao gồm cả *quỹ khen thưởng,* thống nhất với quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Bổ sung Điều 202a về chào bán chứng quyền có bảo đảm (hiện đang được quy định tại Thông tư số 107/2016/TT-BTC), do đây là một loại chứng khoán theo khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 6 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định về chào bán, phát hành chứng khoán, phù hợp với thẩm quyền quy định về thủ tục hành chính (TTHC).

2.2. Về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán

- *Về thành viên giao dịch của SGDCK:* Sửa đổi Điều 105 để làm rõ các trường hợp đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên, thống nhất với quy định về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; Bổ sung quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động, đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên tạo

lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục (ETF) tại Điều 106a dự thảo để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường quỹ ETF.

- *Về quy định chung liên quan đến niêm yết:* Bổ sung quy định tại Điều 107 để làm rõ chỉ yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu *(thay vì kiểm toán toàn bộ khoản mục vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành)* khi đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu (có thu tiền), giảm chi phí, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và phù hợp với thực tế, do doanh nghiệp phát hành tăng vốn thì chỉ cần phải kiểm toán khoản mục vốn góp của chủ sở hữu mà không phải kiểm toán lại các khoản mục khác như các quỹ, lợi nhuận sau thuế...; làm rõ căn cứ Báo cáo tài chính để xem xét điều kiện kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức niêm yết tương tự với các quy định về chào bán, phát hành chứng khoán; giúp xử lý các hồ sơ thống nhất, rõ ràng.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 109 (bỏ điều kiện về không có nợ phải trả quá hạn, do các Sở Giao dịch chứng khoán không thể kiểm soát được điều kiện này khi xét duyệt hồ sơ), sửa đổi Điều 110, bổ sung Điều 111a để rút ngắn quá trình niêm yết cổ phiếu sau chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), bảo vệ tốt hơn quyền lợi nhà đầu tư tham gia đợt IPO thông qua việc sớm đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường niêm yết tập trung.

- Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan trong xem xét việc thay đổi niêm yết cổ phiếu (đối với trường hợp tách doanh nghiệp tại Điều 115, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu, hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF tại Điều 117), đảm bảo đánh giá được thông tin về vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp cũng như phù hợp với việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục đăng ký niêm yết trái phiếu tại Điều 118 theo theo hướng lược bỏ một số thành phần hồ sơn phù hợp với quy định về việc trái phiếu phát hành ra công chúng bắt buộc lên niêm yết, đảm bảo thuận lợi, rõ ràng khi triển khai thực hiện, giảm TTHC cho doanh nghiệp.

- *Bổ sung quy định về niêm yết chứng quyền có bảo đảm (CW) (Điều 118a),* tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho quá trình đưa CW vào niêm yết tại SGDCK và phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán.

- *Bổ sung quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu (Điều 119a*), do Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa có quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp khi thực hiện mua lại một phần trái phiếu trước hạn, chuyển đổi, hoán đổi một phần trái phiếu.

- Sửa đổi quy định về huỷ bỏ niêm yết bắt buộc tại Điều 120 Nghị định 155 cho rõ hơn về trường hợp hủy bắt buộc niêm yết cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm để đảm bảo rõ ràng trong quá trình thi hành; Bổ sung quy định về trường hợp đặc biệt không hủy bỏ niêm yết bắt buộc nhằm hỗ

trợ doanh nghiệp thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng khó khăn và phục hồi sản xuất kinh doanh.

- Sửa đổi quy định về hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài tại Việt Nam theo hướng đơn giản hóa hơn tại Điều 124, góp phần thu hút các doanh nghiệp này niêm yết tại Việt Nam.

- Sửa đổi quy định về niêm yết, giao dịch chứng khoán tại nước ngoài tại các Điều 126, 127, 128, 129 để làm rõ việc UBCKNN xem xét hồ sơ niêm yết, giao dịch chứng khoán tại nước ngoài của công ty đại chúng, không xem xét đối với hồ sơ niêm yết, giao dịch của doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng.

- *Sửa đổi quy định về đối tượng đăng ký giao dịch* tại Điều 133, Điều 135 làm rõ trường hợp dù công ty bị hủy niêm yết, không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng vẫn xuống giao dịch tại UpCom trong vòng 1 năm, thống nhất với quy định về hủy tư cách đại chúng; quy định thống nhất trình tự đưa chứng khoán vào giao dịch trên SGDCK sau khi được chấp thuận đăng ký giao dịch tương tự với việc niêm yết cổ phiếu.

- Làm rõ tại Điều 310 về việc doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được *miễn trừ điều kiện về cơ cấu cổ đông* khi đăng ký niêm yết, góp phần tăng tính hấp dẫn của đợt cổ phần hóa, thu hút doanh nghiệp lớn lên niêm yết và nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp.

2.3. Về quản trị công ty đại chúng

- Dự thảo quy định thêm một số hạn chế đối với thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và người quản lý công ty, ngăn ngừa xung đột lợi ích, cụ thể:

+ Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 275 theo hướng thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị *hoặc Hội đồng thành viên* tại tối đa 05 công ty khác;

+ Tại khoản 6 Điều 291 bổ sung quy định: *Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ*; thống nhất với quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và có căn cứ để UBCKNN xử lý các công ty đại chúng vi phạm quy định này.

- Bổ sung nghĩa vụ thực hiện chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên (khoản 10 Điều 278), quy định rõ ràng về trách nhiệm lập báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT độc lập (Điều 280); hạn chế các giao dịch cho mượn tiền/tài sản, bảo đảm khoản vay của công ty đại chúng với cổ đông (Điều 293); nhằm khắc phục tình trạng thực tế một số công ty đại chúng đã có các hành vi nêu trên, chưa đảm bảo quyền lợi của cổ đông, song UBCKNN không có căn cứ để xem xét xử phạt.

2.4. Tiếp cận thị trường của NĐTNN

Thứ nhất, bổ sung quy định liên quan đến nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là NĐTNN, phù hợp với Luật Chứng khoán (sửa đổi)

Tại Luật Chứng khoán (sửa đổi) quy định theo hướng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp bao gồm tổ chức, cá nhân nước ngoài, qua đó góp phần thu hút các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào TTCK Việt Nam. Do đó, tại Điều 5 về Tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đã bổ sung quy định về việc sử dụng các giấy tờ, tài liệu báo cáo chứng minh tương thích với giấy tờ, tài liệu của nước ngoài... khi xác định nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, bổ sung quy định liên quan đến sở hữu nước ngoài (SHNN) tại công ty đại chúng

Tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP đã cho phép nâng tỷ lệ SHNN lên 100% trong các ngành nghề không hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN), đồng thời cho phép Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty được quyết định tỷ lệ SHNN tối đa. Việc cho phép doanh nghiệp được quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài có ưu điểm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hạn chế tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm kiếm được đối tác chiến lược và có thể chào bán cổ phần với giá cao hơn giá thị trường. Tuy nhiên, quá trình triển khai có một số bất cập như sau:

- Tạo sự không đồng nhất trong tiếp cận thông tin, kế hoạch đầu tư

- Ảnh hưởng tiêu cực đến việc thị trường Việt Nam được nâng hạng và khả năng huy động vốn của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thực tế xử lý thời gian qua: Một số công ty đại chúng muốn làm thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa ở mức thấp hơn quy định pháp luật nhưng tỷ lệ đó lại thấp hơn tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại của công ty tại thời điểm đó. Trường hợp UBCKNN chấp thuận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng đó thì có nghĩa là cổ đông nước ngoài có nghĩa vụ phải bán ra để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định. Việc thực hiện quy định này làm ảnh hưởng đến tâm lý của cổ đông nước ngoài và môi trường đầu tư của Việt Nam. Do vậy, dự thảo bỏ quy định này để đảm bảo quyền lợi của cổ đông nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp đồng thời đảm bảo tuân theo quy định tại cam kết quốc tế, pháp luật có liên quan, góp phần đạt mục tiêu nâng hạng.

Chính vì vậy , dự thảo bỏ quy định tại Điều 139 *cho phép ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty đại chúng được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn quy định pháp luật, trừ trường hợp có quyết định khác Thủ tướng Chính phủ* đảm bảo quyền lợi của cổ đông nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp, cũng như giảm rủi ro cho NĐTNN khi họ không lường được các thay đổi từ doanh nghiệp, từ đó tăng tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam, thu hút NĐTNN; đồng thời sửa tương ứng

quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng. Quy định sửa đổi vẫn đảm bảo tính phù hợp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật trong quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như: Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (có hiệu từ 01/01/2021) có quy định về việc áp dụng Luật đầu tư và các luật có liên quan. Đồng thời, đảm đảm bảo tuân thủ quy định việc tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài: việc cho phép Điều lệ công ty quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài là hình thức hạn chế tiếp thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Việc quy định như tại Dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo quy định về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. Quy định tại dự thảo cũng không trái với các quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

Dự thảo cũng bổ sung quy định tại Điều 310 quy định thời hạn các công ty đại chúng phải hoàn thành thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa *(trong vòng 12 tháng, kể từ ngày Nghị định sửa đổi có hiệu lực thi hành*), do hiện nay nhiều công ty đại chúng chưa hoàn thành thủ tục này nên thị trường chưa phản ánh đúng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại doanh nghiệp. Việc bổ sung quy định này cũng nhằm đảm bảo công ty đại chúng tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành và các điều ước quốc tế có liên quan, phục vụ mục tiêu nâng hạng TTCK.

Ngoài ra, dự thảo cũng làm rõ quy định tại khoản 5 Điều 139 việc NĐTNN chỉ được bán ra cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài của CTĐC vượt mức tối đa theo quy định pháp luật, đảm bảo rõ ràng trong thi hành, tránh cách hiểu NĐTNN có thể chuyển nhượng cho NĐTNN khác; làm rõ tại khoản 1 Điều 143 làm rõ các loại hình *quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm cả quỹ thành viên* phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2.5. Về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Thứ nhất, bổ sung quy định liên quan đến việc triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP), phù hợp với Luật Chứng khoán (sửa đổi)

Tại dự thảo sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 150, Điều 157, Điều 302, Điều 305 để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán (sửa đổi) về việc hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) hoặc công ty con của VSDC thực hiện cũng như để VSDC có cơ sở phân công một số quyền, nghĩa vụ của VSDC trong hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP) tại Nghị định này cho công ty con của VSDC thực hiện, đảm bảo an toàn cho hoạt động thanh toán cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, bổ sung các nội dung để khắc phục các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn gồm:

- Bổ sung khoản 3a, 3b Điều 149 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP để quy định rõ trách nhiệm của công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK; tách biệt giữa việc đăng ký chứng khoán của VSDC với việc chấp thuận đăng ký giao dịch, niêm yết của SGDCK, tránh cách hiểu việc đăng ký chứng khoán tại VSDC thể hiện chứng khoán đó đủ điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK.

- Bổ sung khoản 4a Điều 149 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP để bổ sung quy định rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu VSDC cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán đã đăng ký tại VSDC, đảm bảo thống nhất trong thực tiễn triển khai và nguyên tắc bảo mật thông tin của khách hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Chứng khoán.

- Sửa đổi quy định về quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của VSDC tại Khoản 3 Điều 156 để bao quát nguồn doanh thu từ các hoạt động nghiệp vụ của VSDC; sửa đổi quy định về khống chế việc trích lập dựa trên mức trích lập tối đa để VSDC có thể bổ sung trích lập quỹ trong trường hợp số dư quỹ giảm sau khi được sử dụng.

- Về cơ chế bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán:

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 150 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo hướng hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế CCP không áp dụng đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 151, bỏ điểm d khoản 1 Điều 152 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP để phù hợp với trình tự, thủ tục cấp phép cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để phù hợp với pháp luật ngân hàng (NHNN cấp phép sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ).

+ Bổ sung quy định tại Điều 156 cho phép VSDC từ chối giao dịch mà việc thực hiện thanh toán sẽ ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để VSDC có cơ sở từ chối thế vị trong các trường hợp đặc biệt như hệ thống giao dịch gặp sự cố dẫn tới không kiểm soát được giao dịch đặt vào hệ thống (về khối lượng, về giá...) hoặc trong điều kiện thị trường có biến động mạnh, thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán với khối lượng lớn mà nếu CCP thanh toán cho các giao dịch này sẽ dẫn đến việc mất khả năng khôi phục hoạt động, từ đó ảnh hưởng đến tính an toàn, ổn định và liên tục của thị trường.

+ Bổ sung quy định tại Điều 157 để có cơ sở hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính về cơ chế phối hợp giữa ngân hàng lưu ký (NHLK) với công ty chứng khoán là thành viên bù trừ (TVBT) khi triển khai thực tế hoạt động bù trừ, thanh toán theo cơ chế CCP cho thị trường chứng khoán cơ sở.

+ Sửa đổi Điều 310 về thời hạn triển khai cơ chế CCP và bỏ quy định cho phép thành viên lưu ký (TVLK) không đủ điều kiện được tham gia hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo mô hình CCP do quy định này có thể dẫn tới rủi ro cho VSDC nói riêng và TTCK nói chung.

2.6. Minh bạch hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK

Để triển khai Đề án 06, Bộ Tài chính có Quyết định số 335/QĐ-BTC ngày 27/2/2024 ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, để thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết 104/NQ-CP ngày 09/10/2017, Quyết định 412/QĐ-TTg ngày 14/5/2024, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 về phương án đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực tài chính.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã rà soát, đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể *như sau:*

(i) Bổ sung vào Điều 6 Nghị định nội dung: "9 Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước". (Nội dung này cùng việc sửa đổi các mẫu Phụ lục liên quan để triển khai Đề án 06)

(ii) Về đơn giản hóa TTHC đối với nhóm quy định liên quan đến tổ chức kinh doanh chứng khoán, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đầu tư chứng khoán, người hành nghề chứng khoán, Bộ Tài chính rà soát sửa đổi các quy định sau:

- Về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam:

+ Tại Điều 174, bỏ đối tượng phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh là *"văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam"* do theo quy định tại Điều 78 Luật Chứng khoán, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được hoạt động kinh doanh chứng khoán.

+ Sửa đổi Điều 178 theo hướng đơn giản hóa hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể không yêu cầu các doanh nghiệp này phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán do theo quy định của một số nước, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán.

- Sửa đổi quy định tại Điều 213 về cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (CCHN) theo hướng chấp nhận chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản, tạo điều kiện cho các cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài có thể nộp chứng chỉ này để thay thế cho chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản; sửa đổi quy định nhằm tích hợp hồ sơ thi sát hạch và hồ sơ cấp CCHN.

- Sửa đổi quy định tại Điều 214 để làm rõ trường hợp đối với các cá nhân bị thu hồi CCHN theo điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (không còn đáp ứng điều kiện cấp CCHN; không hành nghề chứng khoán trong 03 năm liên tục) mà sau đó đề nghị cấp CCHN thì phải đáp ứng điều kiện tương tự như điều kiện cấp CCHN lần đầu.

- Sửa đổi quy định tại Điều 215 để làm rõ trường hợp cấp CCHN có thể bằng bản giấy hoặc bản điện tử để chuẩn bị cho việc triển khai việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề điện tử.

- Sửa đổi quy định tại Điều 216 để làm rõ chế độ báo cáo bằng hình thức điện tử.

- Sửa đổi quy định tại Điều 232 về hồ sơ giải thể quỹ theo hướng bỏ yêu cầu tài liệu xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản, vì khó thực hiện trên thực tế khi pháp luật cho phép số lượng các nhà đầu tư tại quỹ thành viên tối đa là 99 nhà đầu tư, số lượng các nhà đầu tư tại các quỹ đại chúng lớn (có quỹ hơn 1.000 nhà đầu tư). Theo đó, chỉ quy định có văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư.

(iii) Về đơn giản hóa TTHC đối với nhóm quy định liên quan đến công ty đại chúng, chào bán, đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán:

- Bỏ thành phần hồ sơ là *"văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng"* đối với hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng tại khoản 9 Điều 20 Nghị định 155, phù hợp với pháp luật ngân hàng.

- Rút ngắn quy trình niêm yết chứng khoán: Sửa đổi thời hạn tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) vào giao dịch từ 90 ngày còn 30 ngày kể từ ngày SGDCK chấp thuận đăng ký niêm yết tại Điều 111, Điều

118 Nghị định 155, đảm bảo tốt hơn quyền lợi nhà đầu tư trong thực hiện các quyền chuyển nhượng chứng khoán trên thị trường có tổ chức.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 151 và điểm d khoản 1 Điều 152 theo hướng bỏ điều kiện UBCK chấp thuận cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài *là phải đáp ứng/có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật các tổ chức tín dụng*, để phù hợp với pháp luật ngân hàng.

- Bỏ thành phần hồ sơ là *"Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp"* tại các hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch; thay đổi niêm yết/đăng ký giao dịch quy định tại Điều 110, 114, 115, 116, 117, 118, 134, 135, 136 Nghị định 155, do điều kiện niêm yết/đăng ký giao dịch không yêu cầu doanh nghiệp phải hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán tại VSDC. Bên cạnh đó, việc SGDCK xem xét hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch là quá trình độc lập với việc đăng ký chứng khoán tại VSDC. Quy định này cũng rút ngắn quá trình niêm yết/đăng ký giao dịch.

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 1, 5, 6, 7 Điều 310 Nghị định để thống nhất với Luật Chứng khoán (sửa đổi), giảm TTHC trong hủy tư cách công ty đại chúng cho doanh nghiệp.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về nhân lực

Các chính sách nêu trên khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Luật, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Về kinh phí

a) Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định: Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục các nội dung Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị định, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị định sau khi được Chính phủ thông qua.

- Theo dõi thi hành:

Thực hiện công tác theo dõi thi hành Nghị định.

VII.. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: KHÔNG

Hồ sơ trình bao gồm:

(1) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

(2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

(3) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan;

(4) Thuyết minh chi tiết về Dự thảo Nghị định.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, UBCK (06b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 12, khoản 14 Điều 3 như sau:

a) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 12 Điều 3 như sau:

"h) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành

cổ phiếu.".

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 14 Điều 3 như sau:

"d) Chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" quy định tại các điểm a, b, c khoản này được căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ, chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" căn cứ trên chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.".

2. Bổ sung một số khoản tại Điều 5 như sau:

"6. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân: Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác có thông tin về quốc tịch nước ngoài.

7. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tài liệu xác định là một trong các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán

b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp;

c) Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

d) Tài liệu về tổ chức trích từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có);

e) Điều lệ hoặc Bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc các văn bản tương đương trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc không xác nhận việc đăng ký thành lập quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật nước ngoài.

8. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế, tài liệu xác định theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều này, trong đó quy định tổ chức là tổ chức trực thuộc Chính phủ hoặc tổ chức tài chính quốc tế.".

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6, sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 9 Điều 6 và

bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:

"Điều 6. Quy định chung"

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo như sau:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, ký, xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo.

b) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu hoặc người quản lý, người có thẩm quyền của tổ chức đăng ký chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực về các hồ sơ, tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu thông qua.

c) Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm sau đây:

- Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ;

- Rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo;

- Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán phải trực tiếp thực hiện các hoạt động tư vấn hồ sơ và bố trí người có chứng chỉ hành nghề phù hợp để thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tư vấn hồ sơ.

d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán, *ý kiến, kết luận về báo cáo, số liệu được soát xét,* ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

đ) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý, chấp thuận hồ sơ, tài liệu báo cáo xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu báo cáo trên cơ sở hồ sơ, tài liệu báo cáo được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu báo

cáo hợp lệ.".

c) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:

"1a. Nhà đầu tư tham gia đầu tư, giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có trách nhiệm tiếp cận đầy đủ nội dung thông tin công bố của doanh nghiệp; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch chứng khoán; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán.".

d) Bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:

"9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

4. Bổ sung khoản 8 Điều 7 như sau:

"8. Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ luỹ kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ thì kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó: kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất; Vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 9 như sau:

"1a. Đối với trường hợp huy động vốn không để thực hiện dự án, tổ chức phát hành phải báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành tương tự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 10 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11 như sau:

"b) Trường hợp hồ sơ được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 11 như sau:

"10. Tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e, h và k khoản 1 Điều 18 Luật Chứng

khoán.".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:

"b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu); phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3, 4, 5, 6 Điều 19 như sau:

"2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành, *ngoại trừ trái phiếu phát hành để cơ cấu lại khoản nợ*) trên vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành không quá **4 lần**, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.

6. Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 20 như sau:

"9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.".

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 23 như sau:

"a) Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, *tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế;*".

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

"Điều 30. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp

Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng

quyền ra công chúng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:

1. Đáp ứng điều kiện về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó căn cứ xác định điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành;

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên;

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm liền sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản), công ty đăng ký chào bán từ năm thứ hai sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý gần nhất (nếu có) của tổ chức phát hành.

3. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sau quá trình cơ cấu lại, hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần

và báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có).

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành.".

12. Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1, bổ sung khoản 5 Điều 31 như sau:

"1a. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

5. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 02 năm trước liền kề năm đăng ký chào

bán được thay bằng các báo cáo sau:

a) Trường hợp công ty chào bán trong năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại và báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất được kiểm toán của các công ty bị hợp nhất; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

d) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm thứ ba liền sau năm cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.".

13. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 43 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó:

a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.".

14. Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau:

"4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.".

15. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 50 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành; danh sách nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành hoán đổi cho từng nhà đầu tư; phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.".

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, danh sách chủ nợ, giá trị các khoản nợ phải trả được hoán đổi và số lượng cổ phiếu dự kiến hoán đổi cho từng chủ nợ, phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 64 như sau:

"1. Có phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được Đại hội đồng cổ đông thông qua, *trong đó phải nêu rõ đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành.*

3. Có danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua.

4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, nguồn vốn sử dụng để phát hành đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khen thưởng; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

c) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.

Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng được công ty mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động thì không còn hạn chế chuyển nhượng; công ty được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 65 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động phải nêu rõ: đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng cổ phiếu phát hành; giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt

phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.".

19. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 105, bổ sung điểm e1 sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 105 như sau:

"a) Bị đình chỉ hoạt động môi giới hoặc tự doanh chứng khoán; bị đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên lưu ký; bị đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ;".

b) Bổ sung điểm e1 sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:

"e1) Theo đề nghị của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 156 Nghị định này;".

20. Bổ sung Điều 106a vào sau Điều 106 như sau:

"Điều 106a. Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục

1. Điều kiện công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục:

a) Là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam trên thị trường đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường;

b) Là thành viên lập quỹ và được công ty quản lý quỹ lựa chọn ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ hoán đổi danh mục;

c) Nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

d) Có quy trình nghiệp vụ về hoạt động tạo lập thị trường.

2. Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục:

a) Giấy đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 25A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường còn hiệu lực hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ hoán đổi danh mục với công ty quản lý quỹ;

c) Bản sao hợp lệ hợp đồng lập quỹ hoán đổi danh mục còn hiệu lực với công

ty quản lý quỹ;

d) Danh sách nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường kèm theo bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

đ) Quy trình nghiệp vụ về hoạt động tạo lập thị trường.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường đầy đủ và hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quyết định chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường. Thành viên tạo lập thị trường có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường theo quy định tại quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.

4. Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a) Bị Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đình chỉ hoạt động giao dịch trên thị trường là thành viên tạo lập thị trường;

b) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này và không khắc phục được điều kiện này sau thời hạn do Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam yêu cầu;

c) Không tuân thủ một trong các nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường và Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam xét thấy cần phải đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường;

d) Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

5. Tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường

a) Hồ sơ tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường gồm Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 27A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; biên bản thanh lý hợp đồng tạo lập thị trường.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường.

6. Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường mà thành viên tạo lập thị trường không khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến đình chỉ;

b) Bị Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam hủy bỏ tư cách thành viên trên thị trường làm thành viên tạo lập thị trường;

c) Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.".

21. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 107, sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều

107; bổ sung khoản 4, 5 Điều 107 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 107 như sau:

"Điều 107. Quy định chung về niêm yết chứng khoán"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 107 như sau:

"đ) Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (*trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả* cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu), tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo vốn góp chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.".

c) Bổ sung khoản 4, 5 Điều 107 như sau:

"4. Kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức đăng ký niêm yết, tổ chức niêm yết được xem xét theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Nghị định này.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết hồi tố báo cáo tài chính được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu tại điểm e khoản 1 Điều 120 và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế tại điểm c khoản 1 Điều 109 Nghị định này được xác định trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán sau khi hồi tố.".

22. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 109 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung c khoản 1 Điều 109 như sau:

"c) Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5% và hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi; không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, trong trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc của kỳ lập báo cáo tài chính bán niên thì căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán.

Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết mà nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đến Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các chỉ tiêu nêu trên căn cứ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 109 như sau:

"2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại, sắp xếp, chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.".

23. Sửa đổi, bổ sung điểm b, h khoản 1 Điều 110 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 110 như sau:

"b) Bản cáo bạch niêm yết theo Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị

định này; Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa (trong trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp cổ phần hóa); Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 Điều 110 như sau:

"h) Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định này.

Trường hợp công ty cổ phần đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này.".

24. Bổ sung Điều 111a vào trước Điều 111 như sau:

"Điều 111a. Đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần

1. Tổ chức phát hành khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết chứng khoán có trách nhiệm gửi đồng thời hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, đ, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này để Sở Giao dịch chứng khoán xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đầy đủ và hợp lệ, trường hợp tổ chức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đã góp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm c, e, g khoản 1 Điều 109 Nghị định này, Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết về việc đã đáp ứng các quy định trên, đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết không đáp ứng điều kiện, Sở Giao dịch chứng khoán trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung tài liệu như sau:

a) Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết theo Mẫu số 28A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản cập nhật Bản Cáo bạch niêm yết theo Mẫu số 29A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương);

d) Tài liệu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 110 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức đăng ký niêm yết có trách nhiệm gửi bổ sung cho Sở Giao dịch chứng khoán nơi đăng ký niêm yết các tài liệu nêu tại khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ và hợp lệ các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đáp ứng điều kiện về giá trị vốn hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện

quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 109 Nghị định này, Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết. Trường hợp từ chối, Sở Giao dịch chứng khoán trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở Giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký cổ phiếu đó.".

25. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 111 và sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 111 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 111 như sau:

"Điều 111. Thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu không thuộc trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111 như sau:

"2. Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện đưa cổ phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 7 Điều 113 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

"1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 112 Nghị định này, hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm các tài liệu theo quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này, trong đó báo cáo tài chính quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của các doanh nghiệp bị hợp nhất.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 112 Nghị định này, hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này, trong đó báo cáo tài chính quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết cho năm liền trước năm thực hiện hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

"b) Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện đưa cổ phiếu vào giao dịch theo

quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".

27. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và điểm c khoản 7 Điều 114 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

"c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết). Trường hợp chứng khoán niêm yết bổ sung bao gồm chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức niêm yết đồng thời đăng ký ngày giao dịch của chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng. Sở Giao dịch Chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký cổ phiếu đó.".

28. Sửa điểm b khoản 2 Điều 115 như sau:

"b) Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách;"

29. Sửa đổi tên Điều 117, điểm b, c khoản 2 Điều 117 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 117 như sau:

"Điều 117. Thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng khi thay đổi số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết không thuộc trường hợp sáp nhập, tách công ty hoặc các trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp"

b) Sửa đổi điểm b, c khoản 2 Điều 117 như sau:

"b) Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán; Giấy phép điều chỉnh giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng sau đợt phát hành trong trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện phát hành có thu tiền;

c) Báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu;".

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 118 như sau:

a) Bổ sung khoản 2 Điều 118 như sau:

"a) Giấy đề nghị đăng ký niêm yết trái phiếu theo Mẫu số 28 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; *Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu theo Mẫu số 29b Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này"*

b) Bổ sung điểm b khoản 3 Điều 118 như sau:

"b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận niêm yết trái phiếu, tổ chức đăng ký niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với trái phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở Giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký trái phiếu đó.".

31. Bổ sung Điều 118a vào sau Điều 118 như sau:

"Điều 118a . Thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trong trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.

2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết bao gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết theo Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do dẫn đến việc thay đổi niêm yết và các tài liệu có liên quan;

b) Báo cáo đã hoàn tất mua lại một phần trái phiếu doanh nghiệp hoặc hoàn tất chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu hoặc hoàn tất hoán đổi một phần trái phiếu và kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần trái phiếu.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu hoặc kể từ ngày thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp

lệ, Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết.".

32. Bổ sung Điều 119a vào sau Điều 119 như sau:

"Điều 119a. Niêm yết chứng quyền có bảo đảm

1. Hồ sơ niêm yết lần đầu chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền theo Mẫu số 28B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (nếu có).

2. Thủ tục chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm

a) Tổ chức phát hành khi báo cáo kết quả chào bán chứng quyền cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời nộp hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán, hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán chứng quyền và hồ sơ đăng ký niêm yết đã đầy đủ, hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền.

c) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký chứng quyền có bảo đảm, Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm. Chứng quyền có bảo đảm được chính thức giao dịch trên hệ thống vào ngày làm việc thứ hai kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

3. Thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền do thay đổi số lượng chứng quyền niêm yết khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức niêm yết thực hiện đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã chào bán.

b) Tổng số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ các chứng quyền đã chào bán thuộc tất cả các tổ chức niêm yết chứng quyền vượt quá một tỷ lệ phần trăm tổng số lượng chứng khoán cơ sở tự do chuyển nhượng theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc giảm số lượng chứng quyền niêm yết thực hiện theo nguyên tắc:

- Tổ chức niêm yết phải giảm số lượng chứng quyền niêm yết chưa lưu hành có thời gian còn lại dưới 02 tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn.

- Trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành ít hơn 5% số lượng đã chào bán, giảm niêm yết 80% số lượng chứng quyền đã chào bán;

- Trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành từ 5% đến 10% số lượng đã chào bán, giảm niêm yết 70% số chứng quyền đã chào bán;

c) Tổ chức niêm yết được thay đổi giảm một phần sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày theo nguyên tắc: số chứng quyền còn lại (sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã chào bán.

4. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết theo Mẫu số 31A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc thay đổi niêm yết (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 119a);

c) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (nếu có).

5. Thủ tục chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 119a

a) Tổ chức phát hành khi báo cáo kết quả chào bán chứng quyền cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán, hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán chứng quyền và hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết đã đầy đủ, hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết;

c) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký chứng quyền có bảo đảm, Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm thay đổi đăng ký niêm yết. Số lượng chứng quyền có bảo đảm thay đổi tăng được chính thức giao dịch trên hệ thống vào ngày làm việc thứ hai kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm thay đổi đăng ký niêm yết.

6. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 119a

a) Sở Giao dịch chứng khoán thông báo cho các tổ chức niêm yết chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở về việc phải huỷ niêm yết một phần chứng quyền, đồng thời yêu cầu các tổ chức niêm yết báo cáo về số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian còn lại dưới 02 tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn;

b) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo theo quy định tại điểm a Khoản này, các tổ chức niêm yết gửi Sở Giao dịch chứng khoán hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền;

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo đến các tổ chức niêm yết, căn cứ hồ sơ của các tổ chức niêm yết và xem

xét Báo cáo hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với các tổ chức niêm yết không gửi hồ sơ, Sở Giao dịch chứng khoán cấp Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.

7. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 119a

Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán cấp Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền. Trường hợp từ chối, Sở Giao dịch chứng khoán trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

33. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, đ, e, i, l, o khoản 1; điểm a khoản 3; điểm a, c khoản 5 và khoản 7 Điều 120 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, đ, e, i, l, o khoản 1 Điều 120 như sau:

"b) "Tổ chức niêm yết *đăng ký tạm* ngừng *kinh doanh* hoặc bị *tạm* ngừng, *đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu/quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền* từ 01 năm trở lên"

c) Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép chuyên ngành;

đ) Cổ phiếu không đưa vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết;

e) Hoạt động kinh doanh bị thua lỗ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tục hoặc tổng số lỗ luỹ kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp hoặc vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính được kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét;

i) Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tiếp hoặc kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước.

l) Tổ chức niêm yết bị xử lý vi phạm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 Điều 12 Luật Chứng khoán;

o) Tổ chức niêm yết không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Sở giao dịch chứng khoán quá 06 tháng kể từ thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; các trường hợp khác mà Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.".

b) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 120 như sau:

"a) Quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng không còn đáp ứng điều kiện có ít nhất 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng

khoán chuyên nghiệp trong thời gian 06 tháng liên tục;".

c) Sửa đổi điểm a và điểm c khoản 5 Điều 120 như sau:

"a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn (bao gồm trường hợp được tổ chức niêm yết gia hạn thời gian đáo hạn); trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;".

c) Các trường hợp quy định tại các điểm b, c, h, l, m khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 119 Nghị định này; tổ chức phát hành không đưa trái phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Nghị định này.".

d) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 120 như sau:

"7. Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ quyết định không hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể".

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 121 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 121 như sau:

"2. Điều kiện được hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm tự nguyện

Tổ chức niêm yết sở hữu toàn bộ số chứng quyền chưa lưu hành được đề nghị hủy niêm yết tất cả số chứng quyền chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày.".

b) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 121 như sau:

"b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết cổ phiếu) hoặc của Đại hội nhà đầu tư (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng chỉ quỹ) hoặc của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm) thông qua việc hủy bỏ niêm yết tự nguyện;".

35. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 124 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 124 như sau:

"b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết cổ phiếu; tài liệu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 118 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết trái phiếu".

b) Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 124 như sau:

"b) Sau khi tổ chức phát hành nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận làm thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, tổ chức phát hành phải gửi Sở giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này). Thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo Điều 111, Điều 118 Nghị định này".

36. Sửa đổi, bổ sung Điều 126 như sau:

"Điều 126. Điều kiện niêm yết, giao dịch chứng khoán của công ty đại

chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài

1. Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài mà cơ quan quản lý thị trường chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán đã có thoả thuận hợp tác với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài theo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đáp ứng quy định tại nước sở tại nơi chứng khoán niêm yết, giao dịch.

2. Điều kiện chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài bao gồm:

a) Không thuộc danh mục ngành nghề mà pháp luật cấm bên nước ngoài tham gia và phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức phát hành đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải gắn với chào bán chứng khoán ra nước ngoài.

c) Có quyết định thông qua việc niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên) hoặc chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

d) Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam.

đ) Tổ chức phát hành là tổ chức kinh doanh có điều kiện phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

37. Sửa đổi, bổ sung Điều 127 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 127 như sau:

"Điều 127. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán *của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán* tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 127 như sau:

"2. Thủ tục chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời về việc chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của tổ chức phát hành Việt Nam; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 127 như sau:

"3. Trường hợp chào bán, phát hành chứng khoán ra nước ngoài gắn với niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cùng hồ sơ đề nghị chấp thuận việc đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán ra nước

ngoài theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản trả lời đồng thời về hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chào bán, phát hành chứng khoán ra nước ngoài và hồ sơ đề nghị chấp thuận việc đăng ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của tổ chức phát hành Việt Nam theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.".

38. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 133 như sau:

"b) Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc hoặc hủy bỏ niêm yết tự nguyện nhưng vẫn là công ty đại chúng.".

39. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 135 như sau:

"1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký giao dịch). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận đăng ký giao dịch sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký giao dịch đã đăng ký cổ phiếu đó.".

40. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 136 như sau:

"c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch, tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng cổ phiếu mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch). Trường hợp cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung bao gồm cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức đăng ký giao dịch đồng thời đăng ký ngày giao dịch của cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng. Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch tăng sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký giao dịch đã điều chỉnh số lượng cổ phiếu đăng ký đó".

41. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 139 như

sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e Khoản 1 Điều 139 như sau:

"e) Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa khác tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty thực hiện theo tỷ lệ đó.".

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 139 như sau:

"2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.".

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 139 như sau:

"5. Công ty đại chúng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định tại các khoản 1, 2 Điều này phải bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty. Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, các cổ đông của công ty đại chúng là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng tuân thủ quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, ngoại trừ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng, mua cổ phiếu trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền hoặc nhận cổ phiếu do hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, do thừa kế hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án.".

42. Sửa đổi, bổ sung Điều 141 như sau:

"**Điều 141. *Trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng***

1. Công ty đại chúng có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.

2. Công ty đại chúng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp khi xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 139 Nghị định này.

3. Trường hợp công ty đại chúng chưa thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Điều 142 Nghị định này, công ty phải hoàn tất thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng.

4. Công ty đại chúng phải thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty;

b) Quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh công ty đang hoạt động có sự thay đổi;

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này;

d) Pháp luật về cổ phần hóa có quy định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.".

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 142 như sau:

"Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng

1. Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 141 Nghị định này bao gồm:

a) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh;

c) Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

d) Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của ~~cơ quan nhà nước có thẩm quyền~~ Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

2. Hồ sơ thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định này bao gồm:

a) Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

d) Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có).

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ

thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.".

44. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 143 như sau:

"1. Tổ chức kinh tế là công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, quỹ thành viên và các tổ chức kinh tế khác có vốn đầu tư nước ngoài phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.".

45. Bổ sung khoản 3a, 3b vào sau khoản 3, bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 149 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a, 3b vào sau khoản 3 Điều 149 như sau:

"3a. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;

3b. Việc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể hiện chứng khoán đó đủ điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán.".

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 149 như sau:

"4a. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán đã đăng ký theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đối với yêu cầu cung cấp thông tin không đúng quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp thông tin và có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp;".

46. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 và bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 như sau

"1. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm áp dụng đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán, ngoại trừ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch công cụ nợ, trái phiếu doanh nghiệp.".

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau:

"4a. Sau khi công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được thành lập để thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, việc thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm theo quy định tại Nghị định này do công ty con thực hiện trên cơ sở phân công của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Đối với việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con thực hiện như quy định áp dụng đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại khoản 3 Điều 156 Nghị định này.".

47. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 151 như sau:

"1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.".

48. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 156 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 156 như sau:

"đ) Từ chối thế vị đối với các giao dịch bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng quy định của pháp luật; giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên giao dịch không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của các thành viên này; giao dịch mà việc thực hiện thanh toán sẽ ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; giao dịch không hợp lệ khác theo quy định của Bộ Tài chính;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 156 như sau:

"3. Trích 5% doanh thu hàng năm từ hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để xử lý rủi ro trong quá trình xử lý các nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Khoản trích lập này được tính vào chi phí của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi xác định thu nhập chịu thuế. Số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ không vượt quá 30% vốn điều lệ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ.".

49. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 157 như sau:

"3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán với ngân hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ.".

50. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 169 như sau:

"a) Chứng khoán được đăng ký biện pháp bảo đảm phải là loại chứng khoán tự

do chuyển nhượng, không dùng để ký quỹ trong các giao dịch chứng khoán, không bị phong tỏa, tạm giữ và phải lưu ký trước khi thực hiện. Trong thời hạn đăng ký biện pháp bảo đảm, chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm phải được phong tỏa tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được giữ nguyên việc đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch cho chứng khoán đó;".

51. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 174 như sau:

"3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận phải thực hiện đăng ký, điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Chế độ tài chính, kế toán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.".

52. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 178 như sau:

"d) Báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được kiểm toán; trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (nếu có); và các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 176, các khoản 4, 5, 6 Điều 177 Nghị định này.".

53. Bổ sung Điều 202a vào sau Điều 202 như sau:

"Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm

1. Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm

a) Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

b) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm;

c) Có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

d) Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận

của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ;

đ) Có tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi được ký quỹ tại ngân hàng lưu ký với giá trị tài sản bảo đảm ban đầu tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán hoặc được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký. Ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán;

e) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

g) Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác.

2. Tổ chức phát hành chỉ được thực hiện chào bán bổ sung khi số lượng chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành vượt quá 80% số lượng chứng quyền có bảo đảm đó đã phát hành và thời gian còn lại của chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn lớn hơn 30 ngày. Chứng quyền có bảo đảm được chào bán bổ sung phải có các nội dung tương ứng của chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán lần đầu và thông tin điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm (nếu có), ngoại trừ số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán và giá đăng ký chào bán.

3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo Mẫu số 76A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm; tổng hạn mức chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán so với giá trị vốn khả dụng của công ty; phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản;

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm, trong đó phương án phát hành phải nêu rõ: loại chứng quyền, kiểu chứng quyền, chứng khoán cơ sở, thời hạn của chứng quyền, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán, số lượng chứng quyền, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) hoặc nguyên tắc xác định giá thực hiện (chỉ số thực hiện). Trường hợp tại phương án phát hành chưa xác định giá giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện), Công ty phải xác định giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại Bản thông báo phát hành theo nguyên tắc đã được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua;

d) Bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán;

đ) Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán

được chấp thuận;

e) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký. Tài liệu này trong hồ sơ ban đầu nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể được thay thế bằng Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký nhưng phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

g) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán.

4. Tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin.

5. Trường hợp tổ chức phát hành đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm trong các đợt chào bán bổ sung hoặc các đợt chào bán lần đầu khác tiếp theo bao gồm tài liệu quy định tại điểm a, c, d, e, g khoản 3 Điều này và các tài liệu còn lại quy định tại khoản 3 Điều này nếu có nội dung mới hoặc thay đổi.

6. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 41 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc yêu cầu hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 04 Bản cáo bạch chính thức để hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

c) Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán, trong đó bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày và thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành. Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh và được tiếp tục phân phối trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán sau khi niêm yết thông qua hoạt động tạo lập thị trường.

7. Ngân hàng lưu ký do tổ chức phát hành lựa chọn và phải có tối thiểu các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện lưu giữ tài sản bảo đảm thanh toán của tổ chức phát hành; quản lý tách biệt tài sản bảo đảm thanh toán với tài sản khác của tổ chức phát hành và các tài sản khác của ngân hàng lưu ký;

b) Thực hiện phong tỏa tài sản bảo đảm thanh toán đã ký quỹ của tổ chức phát hành;

c) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của tổ chức phát hành theo yêu cầu hợp pháp của tổ chức phát hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Xác nhận báo cáo do tổ chức phát hành lập có liên quan đến tài sản bảo đảm thanh toán;

đ) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm vi phạm pháp luật;

e) Được thu giá dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật.

8. Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm; chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm; hạn mức chào bán, giao dịch, thanh toán, thực hiện chứng quyền có bảo đảm; kiểu thực hiện và phương thức thực hiện chứng quyền; điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm; hoạt động tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm; báo cáo, công bố thông tin và hoạt động khác liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.".

54. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 213; bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 213 như sau:

"b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản hoặc chứng chỉ tương đương;"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 213 như sau:

" đ) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương;".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 213 như sau:

"5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều này đồng thời là hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Hồ sơ được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không được hoàn lại, kể cả trường hợp không dự thi hoặc không được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.".

d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau:

"5a. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.".

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 213 như sau:

"6. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán

(bản giấy hoặc bản điện tử) cho người có kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đạt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa đạt một phần, thí sinh được phép thi lại phần chưa đạt trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại toàn bộ các phần. Trường hợp đăng ký thi lại phần chưa đạt, người đề nghị nộp hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 4 Điều này.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 213 như sau:

"8. Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hướng dẫn về tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 97 Luật Chứng khoán, về chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ tương đương quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.".

55. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 214 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 214 như sau:

"1. Trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất. Trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp lại cho các cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 213 Nghị định này tương ứng theo loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp lại.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 214 như sau:

"b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Căn cước công dân/thẻ căn cước hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 214 như sau:

"3. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 213 Nghị định này;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

56. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 215 như sau:

"2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đăng tải thông tin về việc thu hồi trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trường hợp chứng chỉ hành nghề được cấp bằng bản giấy, người bị thu hồi chứng chỉ phải nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

57. Sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 216 như sau:

"d) Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình sử dụng người hành nghề tại công ty của năm trước liền kề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Báo cáo được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

58. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 232 như sau:

"d) Văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.".

59. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau:

"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.".

60. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 như sau:

"2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.".

61. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 277 như sau

"3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.".

62. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 278 và bổ sung khoản 10 Điều 278 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 278 như sau:

"8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 278 như sau:

"10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.".

63. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 280 như sau:

"4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).".

64. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 như sau:

"6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.".

65. Sửa đổi, bổ sung Điều 293 như sau:

"**Điều 293. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.

2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b, Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

3.Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này), trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

– Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

– Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

– Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài

chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.".

66. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 304 như sau:

"1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Chứng khoán.

2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.".

67. Sửa đổi, bổ sung Điều 305 như sau:

"1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Chứng khoán.

2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện dừng một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

68. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 và bổ sung khoản 21 vào sau khoản 20 Điều 310 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 310 như sau:

"13. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian chưa triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

b) **Bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13 Điều 310 như sau:**

"13a. Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, công ty chứng khoán là thành viên lưu ký được đăng ký làm thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán".

c) Bổ sung khoản 21 vào sau khoản 20 Điều 310 như sau:

"21. Doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày 01/01/2021 được áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.".

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, phụ lục, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

1. Thay cụm từ "Chứng minh nhân dân" bằng cụm từ "Căn cước" tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Thay cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" thành cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 302 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

3. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân", bỏ thông tin về ngày cấp, nơi cấp của CMND/Số CMND/CMND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Sửa đổi tên Điều 128 như sau: "Điều 28. Nghĩa vụ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài"

5. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 01, 07, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

6. Bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 110, điểm c khoản 1 Điều 114, điểm đ khoản 2 Điều 115, điểm d khoản 1 Điều 116, điểm c, d, đ khoản 2 Điều 118, điểm g, k, m khoản 1 Điều 120, điểm c khoản 6 Điều 120, điểm a khoản 2 Điều 121, điểm d khoản 1 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 136, điểm b khoản 1 Điều 137,

khoản 4 Điều 143, điểm d khoản 1 Điều 152, các khoản 1, 5, 6, 7, 14 Điều 310 Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán cấp phép, chấp thuận trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép, chấp thuận lại theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp phép, chấp thuận đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được cấp phép hoặc chưa được chấp thuận do hồ sơ, tài liệu chưa đầy đủ, hợp lệ thì phải thực hiện theo quy định của Nghị định này.

3. Công ty đại chúng chưa thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có trách nhiệm hoàn tất thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Công ty đại chúng đã thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Điều lệ Công ty quy định thấp hơn mức quy định của pháp luật phải rà soát, xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

5. Công ty đại chúng đã ký kết hoặc thực hiện hợp đồng, giao dịch về cho mượn tiền/tài sản, bảo đảm khoản vay cho các đối tượng quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn chưa chấm dứt hợp đồng, giao dịch thì được tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao dịch cho đến khi chấm dứt hợp đồng, giao dịch.

6. Trường hợp cá nhân đã có kết quả thi sát hạch đạt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

7. Khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai cấp Chứng chỉ hành nghề điện tử, các Chứng chỉ hành nghề bản giấy được thu hồi để chuyển đổi sang Chứng chỉ hành nghề điện tử. Trường hợp này, người được cấp chứng chỉ hành nghề không phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề, trừ trường hợp thông tin có thay đổi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng ... năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (100b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC 01

(Danh mục Mẫu Phụ lục sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

STT	Mẫu số	Nội dung	Ghi chú
1	Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành	Mẫu sửa đổi
2	Mẫu số 07	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng	Mẫu sửa đổi
3	Mẫu số 23	Giấy đăng ký chào mua công khai	Mẫu sửa đổi
4	Mẫu số 25A	Giấy đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục	Mới bổ sung
5	Mẫu số 27A	Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục	Mới bổ sung
6	Mẫu số 28	Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán	Mẫu sửa đổi
7	Mẫu số 28A	Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết cổ phiếu	Mới bổ sung
8	Mẫu số 28B	Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm	Mới bổ sung
9	Mẫu số 29A	Bản thông tin cập nhật bản cáo bạch đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán	Mới bổ sung
10	Mẫu số 31A	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng quyền	Mới bổ sung
11	Mẫu số 31B	Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền	Mới bổ sung
12	Mẫu số 33	Giấy đề nghị chấp thuận việc đăng ký niêm yết chứng khoán tại việt nam của tổ chức phát hành nước ngoài	Mẫu sửa đổi
13	Mẫu số 34	Giấy đề nghị chấp thuận việc đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Mẫu sửa đổi
14	Mẫu số 38	Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	Mẫu sửa đổi
15	Mẫu số 39	Thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	Mẫu sửa đổi

16	Mẫu số 67	Bản thông tin cá nhân	Mẫu sửa đổi
17	Mẫu số 69	Giấy đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Mẫu sửa đổi
18	Mẫu số 76A	Mẫu giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm	Mới bổ sung
19	Mẫu số 85	Mẫu giấy đăng ký dự thi sát hạch và đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Mẫu sửa đổi
20	Mẫu số 91	Bản thông tin cá nhân	Mẫu sửa đổi

Mẫu số 01

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....	*...., ngày ... tháng ... năm 20....*

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số ..../UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... /... /..... hoặc Công văn số ..... ngày ... /... /..... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: ..... đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:

.....

II. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH:

1. Tên chứng khoán: .....

2. Loại chứng khoán: .....

3. Mệnh giá: .....

4. Số lượng chứng khoán đã phát hành: .....

5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: ..... đồng,

trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án: ..... đồng.

7. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: .....

III. TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Phương án sử dụng vốn: .....

2. Thông tin về tiến độ dự án *(trường hợp sử dụng vốn để thực hiện dự án)*

- Tiến độ dự án theo kế hoạch đã công bố: .....
- Tiến độ dự án hiện tại: .....

3. Tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành: .....

- Tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành thời điểm hiện tại: .....
- Những thay đổi *(nếu có)*: .....
- Lý do thay đổi *(nếu có)*: .....

4. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành được công bố thông tin:

Tại: .....

Từ ngày: .....

....., ngày .... tháng.... năm 20...
TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm 20....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Trái phiếu: ..... *(tên trái phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: ..... đồng.

5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: ..... *(có/không).*

12. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(trường hợp hợp nhất)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... *(có/không).*

13. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản)*, trường hợp tách công ty *(với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... *(có/không).*

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN: .....

III. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu: .....

2. Loại trái phiếu: .....

3. Mệnh giá trái phiếu: ..... đồng/trái phiếu.

4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: ..... trái phiếu.

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá): ..... đồng.

6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá: .....
%

7. Giá chào bán: ..... đồng/trái phiếu.

8. Lãi suất: ..... %/năm.

9. Kỳ hạn trái phiếu: .....

10. Kỳ trả lãi: .....

11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn *(nếu có)*: .....

12. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu *(trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi)*:

- Thời hạn chuyển đổi: .....

- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính tỷ lệ chuyển đổi: .....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....

- Các điều khoản khác *(nếu có)*: .....

13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu *(trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền)*:

- Thời hạn thực hiện quyền: .....

- Tỷ lệ thực hiện quyền: .....

- Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền hoặc nguyên tắc tính cổ phiếu thực hiện chứng quyền: .....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....

- Các điều khoản khác (nếu có): .....

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm *(trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm)*:

- Hình thức bảo đảm: .....

- Giá trị trái phiếu được bảo đảm: .....

- Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán *(trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh)*:

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán: .....

+ Giá trị bảo lãnh: .....

- Bảo đảm bằng tài sản *(trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản)*:

+ Tài sản bảo đảm: .....

+ Giá trị tài sản bảo đảm: .....

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm: .....

+ Tổ chức nhận tài sản bảo đảm: .....

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu: .....

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

- Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành: .....đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng: . ..... đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: ..... đồng.

- Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng: ..... đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: ..... đồng.

17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán trên tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành: ..... %.

18. Thời gian dự kiến chào bán:.....

19. Phương thức phân phối *(thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phân phối...)*: .....

20. Đại diện người sở hữu trái phiếu: .....

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

V. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Đại diện người sở hữu trái phiếu: .....

4. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm *(nếu có)*: .....

5. Tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*: .....

6. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Lựa chọn đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định.

- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành không phải người có liên quan với tổ chức phát hành *(nếu có)*.

- Lựa chọn tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành *(nếu có)*.

- Xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán theo quy định.

- Đáp ứng điều kiện về hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu theo quy định.

- Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm *(trừ trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền)*.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng; niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;

4. Bản cáo bạch;

5. Điều lệ công ty;

6. Báo cáo tài chính;

7. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;

8. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;

9. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;

10. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;

11. Văn bản cam kết về việc triển khai niêm yết trái phiếu;

12. .....

....., ngày .... tháng.... năm 20...
TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 23

TÊN CÔNG TY *(trường hợp là tổ chức)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	....., *ngày ..... tháng ..... năm 20...*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đồng kính gửi: Công ty.... *(tên công ty mục tiêu/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý quỹ đầu tư mục tiêu)*

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Đối với tổ chức đăng ký chào mua công khai

1. Tên tổ chức đăng ký chào mua công khai (đầy đủ): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: ..... đồng.

5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành: .....
- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:

.....

9. Việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: ..... *(có/không).*

Đối với cá nhân chào mua công khai

1. Tên cá nhân đăng ký chào bán *(đầy đủ)*: .....

2. Ngày tháng năm sinh: .....

3. Số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu ..... cấp ngày:..... Nơi cấp: .....

4. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: .....

5. Địa chỉ liên hệ: .....

6. Điện thoại: .....

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY MỤC TIÊU/QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU

1. Tên công ty mục tiêu/quỹ đầu tư mục tiêu *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....

5. Mã chứng khoán *(nếu có)*: .....

6. Mệnh giá cổ phần: .....

7. Thông tin về việc niêm yết/đăng ký giao dịch của công ty mục tiêu: .....

8. Loại cổ phiếu đăng ký chào mua: .....

III. MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CHÀO MUA CÔNG KHAI VỚI CÔNG TY MỤC TIÊU/QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU

.....

IV. SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NẮM GIỮ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CHÀO MUA VÀ CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (NẾU CÓ) ĐỐI VỚI CÔNG TY MỤC TIÊU/QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU TRƯỚC KHI CHÀO MUA: ..

V. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, CHỨNG QUYỀN, QUYỀN MUA, CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG CỦA CÔNG TY MỤC TIÊU, QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU MÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHÀO MUA VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU HOẶC GIÁN TIẾP SỞ HỮU THÔNG QUA BÊN THỨ BA TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM GỬI HỒ SƠ CHÀO MUA CÔNG KHAI CHO ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC: .....

VI. SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHÀO MUA:.....

VII. GIÁ CHÀO MUA: .....

VII. GIÁ CHÀO MUA CAO NHẤT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHÁC ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY MỤC TIÊU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU ĐƯỢC CÔNG BỐ TRONG THỜI GIAN NÀY (NẾU CÓ)

.....

IX. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHÀO MUA

.....

X. MỤC ĐÍCH CHÀO MUA VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH SAU KHI THỰC HIỆN CHÀO MUA

.....

XI. THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI VÀ THỜI HẠN DỰ KIẾN HOÀN TẤT VIỆC CHÀO MUA

.....

XII. ĐIỀU KIỆN HỦY BỎ ĐỢT CHÀO MUA CÔNG KHAI (NẾU CÓ)

.....

XIII. THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

.....

XIV. TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN LÀM ĐẠI LÝ THỰC HIỆN VIỆC CHÀO MUA

.....

XV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG ĐƯỢC CHÀO MUA NHỎ HƠN SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG ĐĂNG KÝ BÁN

.....

Tài liệu kèm theo:**.....**

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

(Người đại diện theo pháp luật) - đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu số 25A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../.....	*...., ngày ... tháng ... năm 20....*

GIẤY ĐĂNG KÝ LÀM THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán *(tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng Anh, tên viết tắt ghi bằng chữ in hoa)*

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

- Vốn điều lệ: .....

- Vốn chủ sở hữu: .....

- Nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép: .....

Là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số ...../QĐ-SGDVN ngày .../.../....

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung liên quan đến thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục được ban hành kèm Quyết định số ... ngày .../.../... của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, chúng tôi xin đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng quỹ quỹ hoán đổi danh mục với các nội dung như sau:

1. Thời hạn tham gia hoạt động tạo lập thị trường:

☐ Không thời hạn

☐ Có thời hạn : *....tháng kể từ ngày được chấp thuận*

2. Nhân sự:

Danh sách các nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường như sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)	Số CCHN	Loại CCHN
1					
...					

Chúng tôi xin đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Nếu được chấp thuận làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, chúng tôi cam kết:

- Tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường tại Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Thực hiện hoạt động tạo lập thị trường xứng đáng với tư cách là thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và không làm ảnh hưởng đến uy tín của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

- Chịu mọi hình thức xử lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 27A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	....., *ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán *(tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng Anh, tên viết tắt ghi bằng chữ in hoa)*

là Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số.....ngày.....

Nay, chúng tôi đề nghị được hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục kể từ ngày .../.../....

Lý do: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện công bố thông tin về việc hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con cho các giao dịch diễn ra trước thời điểm hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường.

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam xem xét, chấp thuận cho chúng tôi hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 28

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	....., *ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:.... *(tên)*

Mã Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ (nếu có)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán ...

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*:

2. Tên tiếng Anh *(nếu có)*

3. Tên viết tắt *(nếu có)*:

4. Vốn điều lệ đăng ký:

5. Vốn điều lệ thực góp:

6. Địa chỉ trụ sở chính:

7. Điện thoại: Fax:

8. Nơi mở tài khoản: Số hiệu tài khoản:

9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do..... cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: ..... do..... cấp ngày.....

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

II. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:

2. Loại Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:

3. Mệnh giá Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ: ... đồng

4. Giá niêm yết dự kiến:...đồng

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:

6. Thời gian dự kiến niêm yết:

7. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành (đối với cổ phiếu):

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính

3. Tổ chức khác (nếu có)

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có).

2. Chúng tôi cam kết công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty không bị xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết (đối với cổ phiếu).

3. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu thông tin có thể làm cho người mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ chịu thiệt hại.

4. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

....., ngày...tháng....năm...

TỔ CHỨC

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 28A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	....., *ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ TIẾP TỤC XEM XÉT VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU .....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán ...

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*: .....

2. Tên Tiếng Anh: .....

3. Tên viết tắt:.....

4. Địa chỉ trụ sở chính: .....

5. Số điện thoại:.....Số fax:.....Website:.....

6. Vốn điều lệ đăng ký: .....đồng.

7. Vốn điều lệ thực góp:.....đồng.

8. Mã cổ phiếu (nếu có):.....

9. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:.....

10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp... do Sở Kế hoạch và Đầu tư... cấp lần đầu ngày..., cấp thay đổi lần thứ... ngày... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*

- Ngành nghề kinh doanh chính:.....Mã ngành:.....
- Sản phẩm/dịch vụ chính:.....

11. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:.....

II. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên cổ phiếu:.....

2. Loại cổ phiếu:.....

3. Mệnh giá cổ phiếu:.....đồng.

4. Giá niêm yết dự kiến:.....đồng.

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:.....

6. Thời gian dự kiến niêm yết: .....

7. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành: .....

III. VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

1. .....

2. .....

3. .....

4. .....

5. .....

6. .....

7. .....

.....

IV. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính

3. Tổ chức khác *(nếu có)*

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có).

2. Chúng tôi cam kết công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty không bị xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết.

3. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu thông tin có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

4. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn một tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết (sổ đăng ký cổ đông phải kèm theo bản liệt kê danh sách cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông chiến lược (số lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có)) (đối với niêm yết cổ phiếu); hoặc danh sách trái chủ (đối với trái phiếu) hoặc danh sách nhà đầu tư (đối với chứng chỉ quỹ);

2. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán;

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

4. Cam kết của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo (đối với trường hợp niêm yết cổ phiếu);

5. Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết;

6. Các tài liệu khác *(nếu có)*.

....., ngày...tháng....năm...

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 28B

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
Chứng quyền:..... *(Tên chứng quyền)*

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán .....

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết (đầy đủ): ...
2. Tên giao dịch: ....
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm .....
4. Vốn điều lệ: ..... (bằng chữ): .....
5. Địa chỉ trụ sở chính: .....
6. Điện thoại: ..... Fax: .....

II. CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Tên chứng quyền: .....
2. Được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận chào bán số: ..... ngày ...../..../....
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: .....
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: .....
5. Loại chứng quyền (mua/bán): .....
6. Kiểu chứng quyền (châu Âu): .....
7. Phương thức thanh toán thực hiện quyền: .....
8. Thời hạn: ..... tháng
9. Ngày đáo hạn: ..... (ngày/tháng/năm)
10. Tỷ lệ chuyển đổi:
    + Tại Thông báo phát hành: .....
    + Tại thời điểm đăng ký niêm yết: .....
11. Giá thực hiện:
    + Tại Thông báo phát hành: ..... đồng
    + Tại thời điểm đăng ký niêm yết: ..... đồng
12. Giá chào bán: ..... *đồng/chứng quyền*

13.Tài sản bảo đảm thanh toán: .....

14.Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán: .....

15.Ngày bắt đầu chào bán: .....

16.Ngày hoàn thành đợt chào bán: .....

17.Kết quả chào bán chứng quyền:

Đối tượng mua chứng quyền	Giá chào bán (đồng/chứng quyền	Số lượng chứng quyền chào bán	Số lượng chứng quyền đăng ký mua	Số lượng chứng quyền được phân phối	Số người đăng ký mua	Số người được phân phối	Số chứng quyền chưa phân phối	Tỷ lệ chứng quyền phân phối
1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
2. Nhà đầu tư có tổ chức, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
Tổng số								

18. Số lượng chứng quyền đăng ký niêm yết: ..... chứng quyền

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán:

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 29

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số.... do.... cấp ngày... tháng...năm...hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày.....)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

(Quyết định đăng ký niêm yết số:.../SGD...-QĐ do....cấp ngày... tháng...năm...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: .....

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số.... do.... cấp ngày... tháng...năm...hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày.....)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

Tên cổ phiếu:

Loại cổ phiếu:

Mã cổ phiếu *(nếu có):*

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:

Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

(trang bìa)

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

II. Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký niêm yết

V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

VI. Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

VII. Chứng khoán niêm yết

VIII. Các đối tác liên quan tới việc niêm yết

IX. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc).

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) có liên quan đến việc đăng ký niêm yết.

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính).

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát hoặc Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của Người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền)*.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do *[tên Tổ chức tư vấn]* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (Hợp đồng tư vấn) với ..... *(tên Tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên Tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

(Việc phân tích các nhân tố rủi ro cần nêu ảnh hưởng đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết, giá cổ phiếu niêm yết. Các nhân tố rủi ro cần được phân loại và đặt tiêu đề phù hợp theo nhóm, sắp xếp theo thứ tự các nhân tố rủi ro có khả năng ảnh hưởng tiêu cực theo mức độ từ cao đến thấp.)

1. Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

1.1. Rủi ro về kinh tế:

1.2. Rủi ro về luật pháp:

1.3. Rủi ro đặc thù: *(ngành, lĩnh vực hoạt động...)*

1.4. Rủi ro quản trị công ty

1.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...):*

2. Đối với với Tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.1. Rủi ro về kinh tế:

2.2. Rủi ro về luật pháp:

2.3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro tín dụng *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do có một số khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Tổ chức đăng ký niêm yết)*

b) Rủi ro thị trường *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán, giá hàng hóa trên thị trường)*

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng *(phân tích rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

d) Rủi ro hoạt động *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Tổ chức đăng ký niêm yết)*

đ) Rủi ro thanh khoản *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do Tổ chức đăng ký niêm yết không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc Tổ chức đăng ký niêm yết có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường)*

e) Rủi ro tập trung *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do Tổ chức đăng ký niêm yết có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bàng *(phân tích các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

h) Rủi ro đặc thù khác

2.4. Rủi ro quản trị công ty:

2.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*:

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu, có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật)*

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết (và cơ cấu của nhóm công ty, nếu có) *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, kèm theo thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất bao gồm: tên, địa chỉ, ngày thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh chính, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của các công ty này tại Tổ chức đăng ký niêm yết, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các công ty này)*

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết *(thông tin về các đợt tăng, giảm vốn kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm thời điểm tăng/giảm vốn, giá trị vốn tăng/giảm, hình thức tăng/giảm vốn, đơn vị cấp, ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có))*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác *(nêu giá trị và phương thức thực hiện của các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức đăng ký niêm yết tại thời điểm thực hiện)*

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông *(nêu số lượng, tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)*

8.2. Cổ phiếu ưu đãi *(nêu số lượng, loại cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, các đặc điểm khác)*

8.3. Các loại chứng khoán khác *(nêu số lượng, đặc điểm của từng loại)*

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật;

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại.

10. Hoạt động kinh doanh

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

10.1. Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

10.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng...;

- Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại).*

10.1.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.3. Thị trường hoạt động *(doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)*

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.1.5. Các hợp đồng lớn *(nêu thông tin các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị; thời điểm ký kết; thời gian thực hiện; sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra; các đối tác tham gia và mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết; các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng)*

10.1.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn *(nêu thông tin về các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng; thời gian giao dịch; sản phẩm, dịch vụ; mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.7. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*

- Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(phân tích theo ngành hoạt động của Tổ chức đăng ký niêm yết, các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành; trường hợp không có thông tin cần nêu rõ)*;

- Triển vọng phát triển của ngành;

- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

10.1.8. Hoạt động Marketing

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển *(nêu thông tin về các chính sách trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.11. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

10.1.12. Trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

10.2. Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

10.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Loại sản phẩm, dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Huy động vốn *(cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động tín dụng *(tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại... trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán *(tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động ngân hàng đại lý *(nếu có)*;

- Hoạt động kinh doanh khác *(nếu có)*.

10.2.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

- Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng *(rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường...)*;

- Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế *(nếu có)*.

10.2.4. Thị trường hoạt động

- Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

- Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng;

- Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin về vị thế và thị phần của Tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Thông tin phải được nêu một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*.

10.2.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh *(nêu thông tin về các dự án lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.6. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

11. Chính sách đối với người lao động

- Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(phân loại theo trình độ người lao động, lao động thường xuyên hoặc thời vụ)*;

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp...;

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động *(nếu có)*.

12. Chính sách cổ tức *(nêu các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, tỷ lệ cổ tức trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi...)*

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết theo Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, 06 tháng đầu năm đăng ký niêm yết theo Báo cáo tài chính bán niên đã kiểm toán/soát xét (nếu có) và lũy kế đến quý gần nhất. Trường hợp Tổ chức đăng ký*

niêm yết là công ty mẹ, kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm kết quả kinh doanh hợp nhất và của công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý gần nhất
** Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng:*				
- Tổng giá trị tài sản				
- Doanh thu thuần				
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
- Lợi nhuận khác				
- Lợi nhuận trước thuế				
- Lợi nhuận sau thuế				
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				
- Tỷ lệ cổ tức				
** Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng:*				
- Tổng giá trị tài sản				
- Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần				
- Tổng thu nhập hoạt động				
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng				
- Lợi nhuận trước thuế				
- Lợi nhuận sau thuế				
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				
- Tỷ lệ cổ tức				

- Các chỉ tiêu khác *(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)*;

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập *(nếu có)*.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện bất thường (nếu có); trường hợp tình hình hoạt động kinh doanh biến động lớn, phân tích nguyên nhân)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2. Tình hình tài chính

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ về tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

2.1. Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

2.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn)*;

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Các khoản phải thu; trường hợp có các khoản phải thu quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi;

- Các khoản phải trả:

+ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn;

+ Tình hình thanh toán các khoản nợ:

• Có thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc không;

• Trường hợp quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thanh toán;

• Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết, nêu thông tin cụ thể, nguyên nhân và giải pháp khắc phục *(bao gồm các vi phạm của Tổ chức đăng ký niêm yết và công ty con, nếu có)*.

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Năng lực hoạt động - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân - Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
4. Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS)			

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập *(nếu có).*

2.2. Đối với Tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn)*;

- Tình hình công nợ;

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng			
3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân			

- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân - Thu nhập lãi cận biên (NIM) - Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS) - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế			

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập *(nếu có)*.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của Tổ chức đăng ký niêm yết *(trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, Tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được Tổ chức kiểm toán xác nhận)*;

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm đăng ký niêm yết của Tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có) (trường hợp ý kiến kiểm toán/soát xét là ý kiến ngoại trừ, Tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được Tổ chức kiểm toán xác nhận).*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Năm X...	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần		
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
Tỷ lệ cổ tức		

- Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên *(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị...)*;

- Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý trên cơ sở các hợp đồng, hoạt động kinh doanh, đầu tư đang thực hiện và dự kiến triển khai... phù hợp với các quy định và chính sách kế toán mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang áp dụng)*;

- Đánh giá của Tổ chức tư vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập *(trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng)*

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ theo từng loại *(trong đó nêu số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết, cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, cổ phần ưu đãi khác)* của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập doanh nghiệp, hiện tại;

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*.

2. Thông tin về cổ đông lớn

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ hiện tại;

- Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ: nêu thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với các đối tượng này *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với Tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ;

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết;

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng

ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với Tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của các đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu:

2. Mệnh giá:

3. Mã cổ phiếu *(nếu có)*:

4. Tổng số cổ phiếu niêm yết: *Nêu rõ số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

6. Phương pháp tính giá

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài *(theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)*

8. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)*

9. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

10. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

11. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

- Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính của các đối tác liên quan đến việc niêm yết: Tổ chức kiểm toán, Tổ chức tư vấn...;

- Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc niêm yết;

- Ý kiến của các chuyên gia về việc niêm yết *(nếu có) (nêu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).*

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ *(nếu có)*

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (*nếu có*);

4. Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng... (*nếu có*);

5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định

6. Phụ lục VI: Các phụ lục khác *(nếu có)*

Mẫu số 29A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....	....., *ngày ... tháng ... năm .....*

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(áp dụng đối với trường hợp đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán ....

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ):* .....

2. Tên tiếng Anh *(nếu có)*: .....

3. Tên viết tắt *(nếu có)*: .....

4. Địa chỉ trụ sở chính: .....

5. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

6. Vốn điều lệ đăng ký: .....đồng.

7. Vốn điều lệ thực góp: .....đồng.

8. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

9. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

11. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:

.....

II. KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Số lượng cổ phiếu đã chào bán, phát hành: .....cổ phiếu

2. Ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành: .....

3. Số lượng cổ phiếu sau khi chào bán, phát hành: .....

4. Số lượng cổ đông sau khi chào bán, phát hành: .....

III. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI, CẬP NHẬT TRONG BẢN CÁO BẠCH

1. Thông tin về tài chính: .....

2. Thông tin về cổ phiếu: .....

3. Thông tin về cổ đông: .....

4. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ;

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết;

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với Tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của các đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;
+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

5. Các thông tin khác: .....

IV. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: .....

2. Mệnh giá: .....đồng/cổ phiếu.

3. Mã cổ phiếu *(nếu có)*:.....cổ phiếu

4. Tổng số cổ phiếu niêm yết: *Nêu rõ số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*.....

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết .....

6. Phương pháp tính giá .....

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài *(theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)*.....

8. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu .....

9. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.....

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

- Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính của các đối tác liên quan đến việc niêm yết: Tổ chức kiểm toán, Tổ chức tư vấn...;

- Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc niêm yết;

- Ý kiến của các chuyên gia về việc niêm yết *(nếu có) (nêu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).*

V. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ *(nếu có)*

VI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (*nếu có*);

4. Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng... (*nếu có*);

5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định

6. Phụ lục VI: Các phụ lục khác *(nếu có)*

Mẫu số 31A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền .... *(Tên chứng quyền)*

Mã chứng quyền: ....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Tên Tổ chức đăng ký niêm yết (đầy đủ): .....

2. Tên giao dịch: .....

3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm .....

4. Vốn điều lệ: ..... (bằng chữ): .....

5. Địa chỉ trụ sở chính: .....

6. Điện thoại: ..... Fax: .....

II. LÝ DO THAY ĐỔI TĂNG/GIẢM SỐ LƯỢNG CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

.....

(Ghi rõ lý do thuộc khoản, Điều nào quy định trong Nghị định)

** Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm một phần chứng quyền theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì bổ sung các thông tin sau:*

- Số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đến ngày đáo hạn ít hơn hai (02) tháng: .....chứng quyền (tại ngày.....)
- Số lượng chứng quyền đang lưu hành: .....chứng quyền (tại ngày.....)
- Tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền đang lưu hành/số lượng chứng quyền đã phát hành: .....

** Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm một phần chứng quyền theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì bổ sung các thông tin sau:*

- Số lượng chứng quyền còn lại chưa lưu hành (sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết): .....chứng quyền

- Tỷ lệ số chứng quyền còn lại chưa lưu hành(sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết)/số chứng quyền đã phát hành: .....

III. CHỨNG QUYỀN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Loại chứng khoán: chứng quyền có bảo đảm
2. Tên chứng quyền:...
3. Mã chứng quyền:..... được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận chào bán số:..... ngày.....tháng.... năm....

(Liệt kê Giấy chứng nhận chào bán gần nhất)

4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: ....
5. Mã chứng khoán cơ sở: ....
6. Ngày bắt đầu chào bán (lần đầu): ...
7. Thời hạn: ..... tháng
8. Ngày đáo hạn:....
9. Giá thực hiện: ..... đồng *(* Trường hợp thay đổi giảm)*

** Trường hợp thay đổi tăng:*

+ Tại Thông báo phát hành (bổ sung): ..... đồng
+ Tại thời điểm đăng ký thay đổi niêm yết: ..... đồng

10. Tỷ lệ chuyển đổi: ..... *(* Trường hợp thay đổi giảm)*

** Trường hợp thay đổi tăng:*

+ Tại Thông báo phát hành (bổ sung): .....
+ Tại thời điểm đăng ký thay đổi niêm yết:

11. Giá chào bán lần đầu: ..... đồng/chứng quyền
12. Giá chào bán bổ sung: ..... đồng/chứng quyền
13. Ngày bắt đầu chào bán bổ sung: .....
14. Ngày hoàn thành chào bán bổ sung: .....
15. Kết quả chào bán bổ sung chứng quyền:

Đối tượng mua chứng quyền	Giá chào bán (đồng/chứng quyền	Số lượng chứng quyền chào bán	Số lượng chứng quyền đăng ký mua	Số lượng chứng quyền được phân phối	Số người đăng ký mua	Số người được phân phối	Số chứng quyền chưa phân phối	Tỷ lệ chứng quyền phân phối

1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
2. Nhà đầu tư có tổ chức, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
Tổng số								

16.Số lượng chứng quyền đã phát hành: .....

17.Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi đăng ký niêm yết: .....

18.Số lượng chứng quyền thay đổi đăng ký niêm yết (tăng/giảm) : ....chứng quyền (.....*bằng chữ*) *(ghi rõ là tăng hay giảm)*

19.Số lượng chứng quyền niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết: ..... chứng quyền

(Các mục từ 12 đến 15 áp dụng cho trường hợp thay đổi tăng)*

IV. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết do hủy một phần, chúng tôi cam kết duy trì số lượng chứng quyền chưa lưu hành tối thiểu đảm bảo đủ số lượng đăng ký hủy một phần và số lượng cho hoạt động tạo lập thị trường cho đến ngày hiệu lực của Quyết định thay đổi niêm yết từ SGDCK.

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm .....

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 31B

TÊN CÔNG TY -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐIỀU CHỈNH CHỨNG QUYỀN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tổ chức phát hành: .....
- Tên chứng quyền: .....
- Mã chứng quyền: .....
- Mã chứng khoán cơ sở: .....
- Loại chứng quyền: [ ] Mua [ ] Bán
- Kiểu thực hiện: Châu Âu
- Phương thức thanh toán thực hiện quyền: thanh toán tiền
- Thời hạn: ..... ngày
- Ngày đáo hạn: .....
- Ngày thực hiện điều chỉnh: (*) *(ghi rõ ngày)*

(*) Là ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở

- Lý do điều chỉnh:

Giá thực hiện cũ	(1)	
Tỷ lệ chuyển đổi cũ	(2)	
Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cở sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(3)	
Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cở sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(4)	
Giá thực hiện mới	(5) = (1) x [(4)/(3)]	
Tỷ lệ chuyển đổi mới	(6) = (2) x [(4)/(3)]	

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

(Nguyên tắc làm tròn: Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến đơn vị đồng, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy).

Tài liệu đính kèm:	*....., ngày..... tháng..... năm .....*
(Liệt kê đầy đủ)	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 33

TÊN CÔNG TY -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH NƯỚC NGOÀI

Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:.... *(tên)*
Mã Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ (nếu có)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ):*

2. Tên tiếng Anh *(nếu có)*

3. Tên viết tắt *(nếu có):*

4. Vốn điều lệ đăng ký:

5. Vốn điều lệ thực góp:

6. Địa chỉ trụ sở chính:

7. Điện thoại: Fax:

8. Nơi mở tài khoản: Số hiệu tài khoản:

9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do ..... cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: ..... do..... cấp ngày .....

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Dự án đầu tư:

- Thời hạn của dự án đầu tư

II. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:

2. Loại Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:

3. Mệnh giá Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ: ... đồng

4. Giá niêm yết dự kiến: ... đồng

5. Số lượng chứng khoán đăng ký chào bán:

6. Số lượng chứng khoán đăng ký niêm yết:

7. Thời gian dự kiến niêm yết:

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính

3. Tổ chức khác (nếu có)

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Chúng tôi cam kết công ty và người đại diện theo pháp luật không bị xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết.

2. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

3. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Cam kết của tổ chức nước ngoài thực hiện dự án tại Việt Nam;

2. Cam kết không chuyển vốn ra nước ngoài và không rút vốn tự có đối ứng trong thời hạn dự án được cấp phép;

3. Có cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức niêm yết theo quy định của pháp luật Việt Nam;

4. Các tài liệu khác (nếu có).

....., ngày...tháng....năm...

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 34

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI

Cổ phiếu/ Chứng chỉ lưu ký:.... *(tên)*

Mã Cổ phiếu/ Chứng chỉ lưu ký (nếu có)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, GIAO DỊCH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*:
2. Tên tiếng Anh *(nếu có)*
3. Tên viết tắt *(nếu có):*
4. Vốn điều lệ đăng ký:
5. Vốn điều lệ thực góp:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại: Fax:
8. Nơi mở tài khoản: Số hiệu tài khoản:
9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do..... cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: ..... do..... cấp ngày .....
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM/CHỨNG KHOÁN LÀM CƠ SỞ ĐỂ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ LƯU KÝ

1. Tên cổ phiếu/trái phiếu
2. Loại cổ phiếu/trái phiếu
3. Mệnh giá cổ phiếu/trái phiếu
4. Số lượng cổ phiếu/trái phiếu đang lưu hành hoặc số lượng cổ phiếu/trái phiếu đăng ký phát hành làm cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký

III. CHỨNG KHOÁN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, GIAO DỊCH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI

1. Tên cổ phiếu/ chứng chỉ lưu ký:
2. Loại cổ phiếu/ chứng chỉ lưu ký:
3. Số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ lưu ký dự kiến niêm yết, giao dịch:
4. Tổng giá trị niêm yết, giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ lưu ký:
5. Thời gian dự kiến niêm yết, giao dịch:

6. Thị trường niêm yết, giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ lưu ký
7. Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký (trong trường hợp niêm yết, giao dịch chứng chỉ lưu ký)

IV. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn niêm yết
2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính
3. Tổ chức khác (nếu có)

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định về hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có).
2. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.
3. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

(liệt kê các tài liệu đi kèm)

....., ngày...tháng....năm...

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 38

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số ..... ngày .....tháng ....năm

Chúng tôi là:

Công ty: ... Mã chứng khoán: ...

Website: ...

Địa chỉ liên lạc: ...

Điện thoại: ... Fax: ... Email: ...

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là:...%

Lí do: *(Nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo khoản 41 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hoặc khoản 3 Điều 3 hoặc khoản 4 Điều 3 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).*

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
(Liệt kê đầy đủ tất cả ngành nghề của Công ty							
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là ...%							

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ thành phần hồ sơ Công ty nộp)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 39

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

THÔNG BÁO THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số .....ngày .... tháng .....năm .....

Chúng tôi là:

Công ty: ... Mã chứng khoán: ...

Website: ...

Địa chỉ liên lạc: ...

Điện thoại: ... Fax: ... Email: ...

Xin thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty như sau:

- Tỷ lệ SHNN tối đa (trước khi thay đổi):...%
- Tỷ lệ SHNN tối đa điều chỉnh theo quy định pháp luật:...%
- Lý do điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:..... *(Nêu rõ lý do thay đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo khoản ... Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).*

STT	Mã Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
...								
(Liệt kê đầy đủ tất cả ngành nghề của Công ty								
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là ...%								

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ thành phần hồ sơ Công ty nộp)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 67

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa): .....

2. Ngày tháng năm sinh: .....

3. Quốc tịch *(các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài)*: .....

4. Số định danh cá nhân *(công dân Việt Nam)* hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *(người nước ngoài)* .....

5. Địa chỉ liên lạc: .....

6. Trình độ đại học: Có ☐ Không ☐

7. Nghề nghiệp (Cá nhân, tổ chức là cổ đông, thành viên góp vốn không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định Điều 74 Luật Chứng khoán): .....

8. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán

TT	Loại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Số Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Mã số người hành nghề chứng khoán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

Ghi chú:
- Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.
- Mã số người hành nghề chứng khoán do UBCKNN xác định.

9. Quá trình làm việc

TT	Thời gian (Tháng/Năm)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc)	Chức vụ	Vị trí làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

10. Người có liên quan *(là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán)*

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKDN (tổ chức)/Định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)	Nơi học tập/làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

11. Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện *(trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)*

TT	Tổ chức góp vốn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ đại diện (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					

Ghi chú:

- Cột (5) Tỷ lệ đại diện là tỷ lệ % vốn góp của tổ chức góp vốn mà người kê khai được quyền đại diện.
- Cột (6) Tỷ lệ nắm giữ là tỷ lệ % vốn góp của người kê khai nắm giữ.
- Cá nhân xin cấp CCHNCK, xin cấp lại CCHNCK chỉ kê khai thông tin từ mục 1 đến mục 9.
- Cá nhân là người nước ngoài khi kê khai thông tin tại mục 5 phải kê khai cả địa chỉ ở nước sở tại và địa chỉ hiện tại ở Việt Nam.

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

Công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 69

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN/GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chúng tôi là:

- Công ty *(Tên đầy đủ của công ty/công ty mẹ của chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ghi bằng chữ in hoa)*

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... *(đối với công ty mẹ của chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam)*

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:..... Fax:..... Website: .....

- Hiện có chi nhánh/văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam: *(đối với chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam)*

+ Tên chi nhánh/văn phòng đại diện *(Tên đầy đủ ghi bằng chữ in hoa)*

+ Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh số .../Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

+ Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện: .....

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán cho Công ty/Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện như sau:

Đối với trường hợp bổ sung, rút nghiệp vụ kinh doanh

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đã được cấp:.....

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đề nghị bổ sung, rút bớt:.....

Đối với trường hợp thay đổi tên

- Tên hiện tại:.....

- Tên đề nghị sửa đổi:.....

Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

- Địa điểm cũ: .....

Số điện thoại:.....Fax: .....

- Địa điểm mới: .....

Số điện thoại:.....Fax: .....

Đối với trường hợp thay đổi vốn điều lệ

- Vốn điều lệ cũ: .....

Cơ cấu sở hữu *(tại ngày ..../.../....):*

TT	Cổ đông	Số vốn góp (tỷ đồng)	Số cổ phần, phần vốn góp	Tỷ lệ
I	**Cổ đông, thành viên nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên** *(liệt kê chi tiết)*			
1	Công ty..			
2	Nguyễn Văn A...			
II	**Cổ đông, thành viên khác**			
1	Tổ chức			
2	Cá nhân			

- Vốn điều lệ mới:.....

Cơ cấu sở hữu *(tại ngày ..../.../....):*

TT	*Cổ đông*	Số vốn góp (tỷ đồng)	Số cổ phần, phần vốn góp	Tỷ lệ
I	**Cổ đông, thành viên nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên** *(liệt kê chi tiết)*			
1	Công ty..			
2	Nguyễn Văn A...			
II	**Cổ đông, thành viên khác**			
1	Tổ chức			
2	Cá nhân			

Đối với trường hợp thay đổi vốn cấp cho chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

- Vốn cấp cũ: .....

- Vốn cấp mới: .....

Đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật/giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật/Giám đốc chi nhánh/Trưởng văn phòng đại diện cũ:

Họ và tên:.....

Chức danh *(đối với người đại diện theo pháp luật)*:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu..... ngày cấp.....nơi cấp .....

- Người đại diện theo pháp luật/Giám đốc chi nhánh/Trưởng văn phòng đại diện mới được bổ nhiệm:

Họ và tên: .....

Chức danh *(đối với người đại diện theo pháp luật)*:.....

Quốc tịch *(đối với người nước ngoài)*:.....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu..... ngày cấp.....nơi cấp .....

Đối với trường hợp gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm: .....

Đối với trường hợp thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

- Tên/địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ cũ: .....

- Tên/địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ mới:.....

Lý do đề nghị điều chỉnh:.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo./.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

TỔ CHỨC
(Người đại diện theo pháp luật – Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐTV/Chủ sở hữu trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 76A

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Ban hành kèm theo Nghị định số ..../2024/NĐ-CP ngày ....tháng...năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán)

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../.....	....., ngày ... tháng... năm 20....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM RA CÔNG CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): .....

2. Tên giao dịch: .....

3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số:... do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm .....

4. Vốn điều lệ: .....

5. Địa chỉ trụ sở chính: .....

6. Điện thoại:.....Fax: .....

7. Nơi mở tài khoản doanh nghiệp: Số hiệu tài khoản: .....

II. Chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán

1. Tên chứng quyền: .....

2. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: .....

3. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: .....

4. Loại chứng quyền (mua/bán): .....

5. Kiểu chứng quyền (châu Âu/Mỹ): .....

6. Phương thức thanh toán thực hiện quyền: .....

7. Thời hạn: ..... tháng

8. Tỷ lệ chuyển đổi: .....

9. Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số): .....

10. Giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao nhất dự kiến: đồng (điểm chỉ số)

11. Giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp nhất dự kiến: .....đồng (điểm chỉ số)

12. Giá chào bán cao nhất dự kiến: ..... đồng/chứng quyền

13. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: ..... đồng/chứng quyền

14. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:..... chứng quyền

15. Tài sản bảo đảm thanh toán: .....

16. Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến:.....

17. Thời gian chào bán dự kiến: .....

III. Chứng quyền cùng loại hiện đang lưu hành (đối với chào bán bổ sung):

1. Tổng số chứng quyền: .....

2. Tổng giá trị chứng quyền (tính theo giá thị trường tại thời điểm báo cáo, nếu có):

IV. Các bên liên quan:

1. Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán

- Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán bảo đảm:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.....do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:.....Fax:.....Website: .....

2. Tổ chức kiểm toán

3. .....

V. Cam kết của tổ chức phát hành:

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những tài liệu, thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không có thông tin giả mạo hoặc chưa đầy đủ có thể làm cho người mua chứng quyền có bảo đảm chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu và nghiêm chỉnh tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đã phát hành *(đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác).*

- Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài *(chọn một trong hai)* nơi mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Không công bố thông tin dưới mọi hình thức về việc chào bán chứng quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 85

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH VÀ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị định số .....2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ THI/THI LẠI SÁT HẠCH VÀ ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: ..... (chữ in hoa)

2. Ngày tháng năm sinh: .....

3. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu số.....

4. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên): ..... (ghi chi tiết số nhà, khối/xóm, phường/xã, quận/huyện, thành phố, tỉnh)

5. Trình độ chuyên môn: .....

6. Đơn vị công tác: ..... (ghi rõ tên đơn vị, chức vụ, vị trí, bộ phận hiện đang làm việc - nếu có)

7. Số điện thoại liên lạc: .....

8. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được cấp:

☐ Môi giới chứng khoán;

☐ Phân tích tài chính;

☐ Quản lý quỹ.

Số: ... Ngày cấp: ...

II. ĐĂNG KÝ DỰ THI/THI LẠI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Tôi xin đăng ký dự thi/thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán cụ thể như sau:

1. Đăng ký dự thi/thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán loại:

CHỨNG CHỈ.....(chữ in hoa)

Đăng ký thi lại phần .... (đối với trường hợp thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán)

2. Địa điểm đăng ký dự thi: ..... (ghi rõ Hà Nội hoặc Tp. HCM).

III. ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Trường hợp kết quả thi sát hạch của tôi đạt yêu cầu, tôi đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cấp (cấp lại) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tôi cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán *(đối với trường hợp cấp lại)*: .....

2. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị được cấp (cấp lại):

☐ Môi giới chứng khoán;

☐ Phân tích tài chính;

☐ Quản lý quỹ.

3. Hình thức đăng ký nhận chứng chỉ hành nghề chứng khoán:

☐ Nhận trực tiếp tại Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

☐ Nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ: .....

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ, ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm:

Mẫu số 91

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm....

Ảnh (4x6)

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:

2. Ngày tháng năm sinh:

3. Quốc tịch *(các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài)*:

4. Số định danh cá nhân *(công dân Việt Nam)* hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *(người nước ngoài)*

5. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):

6. Điện thoại liên hệ: Fax, email:

7. Trình độ chuyên môn:

8. Nghề nghiệp:

9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Nêu rõ tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng *(liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm*

Thời gian *(Tháng/năm)*	**Nơi đào tạo**	**Chuyên ngành đào tạo**	**Tên bằng/Số Chứng chỉ hành nghề chứng khoán**
Từ.../... đến.../...			
Từ.../... đến.../...			

10. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí/khen thưởng, kỷ luật nếu có):

Thời gian (Tháng/năm)	**Nơi làm việc**	**Chức vụ/ Vị trí việc làm**	**Trách nhiệm công việc**	**Khen thưởng/ Kỷ luật**
Từ .../... đến .../...				

Từ .../... đến .../...				

11. Chức vụ dự kiến trong công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán):

12. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

13. Nhân thân người khai:

Họ và tên	**Năm sinh**	**Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)**	**Địa chỉ liên lạc**	**Nghề nghiệp**	**Chức vụ**
Vợ/chồng:					
Bố:					
Mẹ:					
Con:					
Anh/chị/em ruột:					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết *(liệt kê nội dung cam kết phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)./.*

Chứng thực chữ ký người khai

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢN THUYẾT MINH NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 155/2020/NĐ-CP NGÀY 31/12/2020

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
1	**Điều 3 Giải thích thuật ngữ** 12. Ngày kết thúc đợt phát hành: ... Chưa quy định về *"Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi"*	**Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 12 Điều 3 như sau:** *"h) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.".*	- Hiện nay, Nghị định 155 không định nghĩa *"ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi"* dẫn đến thực tế các doanh nghiệp còn gặp khó khăn khi phát xác định ngày kết thúc đợt phát hành để thực hiện các nghĩa vụ sau phát hành như thực hiện báo cáo kết quả phát hành, thay đổi đăng ký niêm yết/đăng ký giao dịch và xác định quyền của trái chủ. - Việc bổ sung quy định này là cơ sở để doanh nghiệp xác định rõ ràng, thuận lợi trong thi hành pháp luật.
	Điều 3 Giải thích thuật ngữ 14. Cơ cấu lại doanh nghiệp là hoạt động hợp nhất, sáp nhập công ty; giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản mà các hoạt động, giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên, được xác định như sau: a) Đối với trường hợp hợp nhất, tỷ lệ này được tính bằng tổng giá trị tài sản của các công ty bị hợp nhất còn lại so với tổng giá trị tài sản của công ty bị hợp nhất có tổng giá trị tài sản lớn nhất căn cứ trên BCTC năm gần nhất; b) Đối với trường hợp sáp nhập, tỷ lệ này được tính bằng tổng giá trị tài sản của các công ty bị sáp nhập so với tổng giá trị tài sản của công ty nhận sáp nhập căn cứ trên BCTC năm gần nhất; c) Đối với trường hợp mua lại doanh nghiệp, bán tài sản, tỷ lệ này được tính bằng giá trị giao dịch	**Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 14 Điều 3 như sau:** *"d) Chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" quy định tại các điểm a, b, c khoản này được căn cứ,xbv trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ, chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" căn cứ trên chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp."*	- Nghị định 155 chưa quy định cụ thể cách xác định trường hợp được coi là cơ cấu lại doanh nghiệp căn cứ trên BCTC nào của doanh nghiệp (trong trường hợp doanh nghiệp có công ty con), dẫn đến vướng mắc khi xác định giao dịch cơ cấu lại. - Nội dung kiến nghị bổ sung tại điểm d khoản 14 Điều 3 là căn cứ để doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc xác định trường hợp cơ cấu lại, đảm bảo thuận lợi, rõ ràng khi thi hành pháp luật.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	so với tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên BCTC năm gần nhất.		
2	**Điều 5. Tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp** 1. Đối với các tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ tương đương khác. 2. Đối với các tổ chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán: a) Đối với tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch: quyết định chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch đối với tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; b) Đối với các tổ chức khác không phải tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; báo cáo tài chính (BCTC) năm được kiểm toán hoặc BCTC bán niên được soát xét. 3. Đối với cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán, gồm các tài liệu: a) Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; b) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán còn hiệu lực 4. Đối với cá nhân quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán, gồm các tài liệu:	1. Thay cụm từ "Chứng minh nhân dân" bằng cụm từ "Căn cước" tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. ***2. Bổ sung một số khoản tại Điều 5 như sau:*** *"6. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân: Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác có thông tin về quốc tịch nước ngoài.* *7. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tài liệu xác định là một trong các tài liệu sau:* *a) Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán;* *b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp;* *c) Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;* *d) Tài liệu về tổ chức trích lục từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền;* *đ) Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có);* *e) Điều lệ hoặc Bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc các văn bản tương đương trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài*	Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Luật Chứng khoán (sửa đổi) đã bổ sung trường hợp nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm e khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán bao gồm: *"Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài"*. - Thực tế hiện nay, các nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện xác nhận tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp còn gặp một số khó khăn do các giấy tờ, tài liệu báo cáo chứng minh theo yêu cầu của Việt Nam (được quy định tại Điều 5 Nghị định 155) chưa phù hợp, tương thích với quy định về giấy tờ, tài liệu của nước ngoài... Điều này có thể gây trở ngại nhất định cho các nhà đầu tư nước ngoài trong việc tham gia thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam, đặc biệt trong các hoạt động chào bán trái phiếu, cổ phiếu riêng lẻ. Do đó, đề xuất bổ sung thêm quy định về tài liệu xác định tư cách nhà đầu tư nước ngoài, phù hợp với đặc thù của NĐTNN.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	a) Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; b) Xác nhận của các công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán về giá trị thị trường của các danh mục chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch tại thời điểm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. 5. Đối với cá nhân quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán, gồm các tài liệu: a) Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; b) Hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả trong năm gần nhất trước thời điểm xác định tư cách là NĐT chứng khoán chuyên nghiệp.	*không cấp hoặc không xác nhận việc đăng ký thành lập quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật nước ngoài.* *8. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế, tài liệu xác định theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều này, trong đó quy định tổ chức là tổ chức trực thuộc Chính phủ hoặc tổ chức tài chính quốc tế.".*	
3	**Điều 6. Quy định chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo** 1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo	**Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6, sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 9 Điều 6 và bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:** "Điều 6. Quy định chung" **b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:** "1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo như sau: a) Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, ký, xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường	Bổ sung cụ thể hóa trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo; cũng như quy định trách nhiệm của nhà đầu tư tham gia thị trường.

		chứng khoán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. b) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu hoặc người quản lý, người có thẩm quyền của tổ chức đăng ký chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực về các hồ sơ, tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu thông qua. c) Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm sau đây: - Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ; - Rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo; - Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán phải trực tiếp thực hiện các hoạt động tư vấn hồ sơ và bố trí người có chứng chỉ hành nghề phù hợp để thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tư vấn hồ sơ. d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán, ý kiến, kết luận về báo cáo, số liệu được soát xét, ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. **c) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:**	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		"1a. Nhà đầu tư tham gia đầu tư, giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có trách nhiệm tiếp cận đầy đủ nội dung thông tin công bố của doanh nghiệp; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch chứng khoán; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán.".	
		d) Bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau: "9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".	Bổ sung quy định nhằm thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án *"Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030"*, Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/2/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Quy định theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4	**Điều 7. Quy định chung về chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai**	**Bổ sung khoản 8 Điều 7 như sau:** *"8. Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ luỹ kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên*	- Làm rõ việc xác định các chỉ tiêu như Kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	Chưa quy định cụ thể về loại Báo cáo tài chính (BCTC) là căn cứ khi xem xét điều kiện về Kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu. Chưa có quy định đối với trường hợp doanh nghiệp sử dụng vốn để bù lỗ kinh doanh	*Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ thì kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó: kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất; Vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát.* *Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.*	tài chính hợp nhất; đảm bảo rõ ràng, thuận tiện cho doanh nghiệp xác định các điều kiện chào bán, phát hành chứng khoán, từ đó chủ động xây dựng phương án chào bán, phát hành phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình. - Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình đầu tư tài chính (mô hình Holding), BCTC hợp nhất thể hiện đầy đủ tình hình tài chính doanh nghiệp. Do đó, dự thảo quy định việc sử dụng BCTC hợp nhất để xem xét các điều kiện chào bán, phát hành của doanh nghiệp. - Dự thảo cũng bổ sung quy định xem xét về điều kiện chào bán/phát hành khi doanh nghiệp sử dụng khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh của doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp có cơ sở tự xem xét đánh giá việc đáp ứng điều kiện và tạo thuận lợi có cơ quan khi tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính. - Việc bổ sung các quy định này cũng nhằm thống nhất với quy định về niêm yết chứng khoán.
5	**Điều 9. Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành**	**5. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 9 như sau:** *"1a. Đối với trường hợp huy động vốn không để thực hiện dự án, tổ chức phát hành phải báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát*	Để đảm bảo minh bạch thông tin về tình hình sử dụng vốn của tổ chức phát hành.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	1. Đối với trường hợp huy động phần vốn, số tiền để thực hiện dự án, tổ chức phát hành phải báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động, cụ thể như sau: a) Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên; b) Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, báo cáo chủ sở hữu công ty hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.	*hành tương tự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng".*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
6	**Điều 11. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần** 4. Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất đáp ứng quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán, trong đó: ..... b) Trường hợp tổ chức phát hành thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ sau ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 10 Điều 11 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11 như sau:** "*b)* ~~Trường hợp tổ chức phát hành thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ sau ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.~~*Trường hợp hồ sơ được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.*	- Bỏ quy định về báo cáo kiểm toán vốn tại khoản này để thống nhất với Dự thảo LCK sửa đổi *(do hồ sơ IPO đã tại LCK sửa đổi đã quy định thành phần hồ sơ gồm Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập).* - Bổ sung quy định về việc doanh nghiệp phải nộp BCTC bán niên soát xét để phù hợp với khoản 5 Điều 20 Luật Chứng khoán 2019, thống nhất với quy định tại khoản 8 Điều 7 dự thảo Nghị định và quy định về niêm yết chứng khoán tại điểm c khoản 1 Điều 109 Nghị định.
	10. Tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e và h khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán	**b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 11 như sau:** "10. Tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e, *h* và ~~h~~ *k* khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán".	- Sửa đổi, bổ sung quy định để phù hợp với Luật Chứng khoán (sửa đổi) (dự kiến bổ sung thành phần hồ sơ chào bán CPRCC tại khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán gồm *"k) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập").*
7	**Điều 12. Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng** 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng	**7.Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:** "b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến	- Sửa đổi nội dung này để phù hợp với nội dung tại khoản 5 Điều 1 Luật Chứng khoán (sửa đổi) về việc *không quy định tỷ lệ chào*

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	vốn thu được từ đợt chào bán, thông qua việc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán, trong đó: .....b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án; phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.	chào bán để thực hiện các dự án *(trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu)*; phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án".	*bán thành công (70%) đối với trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu.*
8	**Điều 19: Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng:** 1. Các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán 2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau: a) Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng lớn hơn 500 tỷ đồng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trong các báo cáo sau: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp tổ chức phát hành là đối tượng phải công bố báo cáo tài chính bán niên được soát xét) bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; hoặc	**8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3, 4, 5, 6 Điều 19 như sau:** "2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. *Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.* ~~trong các trường hợp sau:~~ ~~a) Giá trị trái phiếu lớn hơn 500 tỷ đồng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu;~~ ~~b) Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu.~~ *3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.* *4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành, ngoại trừ trái phiếu phát hành để cơ cấu lại khoản nợ) trên vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành không quá 4 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có*	Quy định tại dự thảo để chi tiết điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán (sửa đổi) về điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng: *Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm;* ***- Về điều kiện Đại diện người sở hữu trái phiếu:*** Dự thảo quy định các TPDN phát hành ra công chúng đều có Đại diện người sở hữu TP để làm trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, tổ chức phát hành và các tổ chức có liên quan khác; giám sát việc tuân thủ các cam kết của tổ chức phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu..., đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho trái chủ. ***- Về điều kiện XHTN:*** Theo quy định tại dự thảo, tất cả các trường hợp phát hành TPRCC phải có xếp hạng tín nhiệm về

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	b) Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trong các báo cáo sau: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp tổ chức phát hành là đối tượng phải công bố báo cáo tài chính bán niên được soát xét) bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	*quy định khác.* *5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.* *6. Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này".*	doanh nghiệp hoặc trái phiếu để doanh nghiệp làm quen với văn hóa xếp hạng tín nhiệm, nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động chào bán trái phiếu ra công chúng. Ngoài ra, để tránh xung đột lợi ích, bổ sung quy định tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành. - ***Về điều kiện hệ số nợ phải trả không quá 4 lần vốn chủ sở hữu.*** Quy định về hệ số nợ/VCSH nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của chính doanh nghiệp, hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư tham gia mua TPDN phát hành ra công chúng, thống nhất với pháp luật có liên quan. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã rà soát các pháp luật chuyên ngành, hiện chưa nhận thấy có quy định về giới hạn tối đa tỷ lệ nợ/VCSH mà chỉ quy định biện pháp quản lý nhà nước khi vượt một mức tỷ lệ nhất định. Đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tiêu chí tại khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản, khoản 1 Điều 5 Nghị định 96/2024/NĐ-CP cũng không đồng nhất với dự thảo khi quy định về giới hạn tỷ lệ *dư nợ tín dụng, dư nợ TPDN trên VCSH theo từng dự án.*

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			Để đảm bảo tính công bằng với các doanh nghiệp tham gia TTCK, dự thảo quy định chung mức tỷ lệ nợ/VCSH là 04 lần. - Về việc quy định giá trị trái phiếu dự kiến phát hành/VCSH (không quá 01 lần): Để đảm bảo tránh tình trạng doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN quá lớn, gây rủi ro cho an toàn tài chính của chính doanh nghiệp và hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư, tương tự nội dung về chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, UBCK tiếp tục kiến nghị quy định giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu. ***- Đối với các Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu***: Không áp dụng các điều kiện về xếp hạng tín nhiệm, tỷ lệ nợ/VCSH, giá trị TPDN phát hành do TCTD là tổ chức đặc thù, có chức năng huy động vốn và đã phải đảm bảo an toàn khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật ngân hàng và trái phiếu đã được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi đã đảm bảo điều kiện. - **Về kinh nghiệm quốc tế:** Hiện nay, Trung Quốc, Đài Loan cũng sử dụng chỉ tiêu Tổng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			dư nợ trái phiếu DN/VCSH và Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp/VCSH để làm cơ sở quản lý, giám sát.
9	**Điều 20. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng** 9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Đối với việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. 10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.	**9. Sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 20 như sau:** "9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. 10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.".	- Quy định sửa đổi tại khoản 9 Điều 20 phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể: Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 và Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/04/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước đã bãi bỏ quy định và thủ tục hành chính về việc NHNN chấp thuận phương án chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng. - Quy định sửa đổi tại khoản 10 Điều 20 phù hợp với điểm i khoản 1 Điều 18 sửa đổi bởi khoản 7 Điều 1 Luật Chứng khoán 2024 (bổ sung thành phần hồ sơ chào bán TPRCC gồm *"i) Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu"*.
10	**Điều 23. Điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng** 2. Được bảo đảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi trái phiếu bằng một hoặc một số phương thức sau: a) Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;	**10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 23 như sau:** "a) Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, *tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế;".*	- NĐ số 155 trước đây chưa quy định về trường hợp bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế ; - Quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ (tại Khoản 4 Điều 4 NĐ số 153 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 NĐ số 65) đã bổ sung quy định về trường hợp bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật. Do đó, Dự thảo NĐ đã bổ sung thêm trường hợp bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật để thống nhất với các quy định về chào bán trái phiếu riêng lẻ trên thị trường.
11	**Điều 30: Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp:** Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm: 1. Đáp ứng điều kiện tương ứng về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên: a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm trước liền	**11. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:** **"Điều 30. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp** Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp *chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng*, chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm: 1. Đáp ứng điều kiện về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó căn cứ xác định điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty theo quy định tại khoản 2, *khoản 3* Điều này. 2. *Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng*, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:	Cơ cấu lại doanh nghiệp là sự kiện có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp; do đó Nghị định 155 đã bổ sung quy định khi chào bán, phát hành, niêm yết mà phát sinh sự kiện về cơ cấu lại doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; đảm bảo nhà đầu tư có cơ sở đầy đủ khi đánh giá thông tin về doanh nghiệp, tính ảnh hưởng của sự kiện tái cơ cấu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động của doanh nghiệp; Tuy nhiên, đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện IPO sau khi hoàn thành việc cơ cấu lại thì Nghị định 155 chưa yêu cầu hồ sơ phải có Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Chính vì thế, dự thảo bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 30 để đảm bảo các doanh nghiệp chào bán lần đầu ra công chúng nếu

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	kể năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành; b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên; c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm liền sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản), công ty đăng ký chào bán từ năm thứ hai sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý gần nhất (nếu có) của tổ chức phát hành.	a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành; b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên; c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm liền sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản), công ty đăng ký chào bán từ năm thứ hai sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý gần nhất (nếu có) của tổ chức phát hành. *3. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sau quá trình cơ cấu lại, hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời*	thực hiện cơ cấu lại trước khi chào bán phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo nhà đầu tư có cơ sở đầy đủ khi đánh giá thông tin về doanh nghiệp, tính ảnh hưởng của sự kiện tái cơ cấu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động của doanh nghiệp; cũng như có cơ sở để xem xét điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp chính xác hơn.

		không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên: *a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);* *b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);* *Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên. *c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có).* *Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành.".*	
12	**Điều 31. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp**	**12. Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1, bổ sung khoản 5 Điều 31 như sau:** **"Điều 31. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp** *"1a. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	Chưa quy định đối với hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại	*cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.* *5. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 02 năm trước liền kề năm đăng ký chào bán được thay bằng các báo cáo sau:* *a) Trường hợp công ty chào bán trong năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;* *Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại và báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.* *b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán*	Bổ sung về hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại tương ứng với điều kiện tại khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định. Theo đó, hồ sơ chào bán phải bao gồm báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ năm cơ cấu lại đến năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại.

		bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; *Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.* *c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước của tổ chức phát hành.* *Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất được kiểm toán của các công ty bị hợp nhất; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. *d) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm thứ ba liền sau năm cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.".*	
13	**Điều 43. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng** 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu chào bán; giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; số lượng nhà đầu tư; nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết. Trường hợp trong phương án phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;	**13. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 43 như sau:** "2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục dích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán *và* ~~hoặc~~ ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; *thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua* danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.". ~~Trường hợp trong phương án phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp~~.".	Việc sửa đổi tại điều này làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ và HĐQT. Theo đó, nhằm bảo vệ lợi ích các NĐT, tránh lợi dụng chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá ưu đãi không hợp lý cho một số đối tượng, ĐHĐCĐ phải thông qua giá chào bán. Trường hợp không thông qua giá chào bán thì ĐHĐCĐ phải thông qua nguyên tắc giá cháo bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
14	**Điều 49. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn** ..... 4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.	**14. Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau:** "4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi. *Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.* Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.".	- Bổ sung quy định tại Điều 49 Nghị định 155 làm rõ kỳ kế toán báo cáo tài chính của các công ty có cổ phần, phần vốn góp được hoán đổi phải *đảm bảo tối thiểu 12 tháng* để hạn chế tình trạng thực hiện việc phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các doanh nghiệp mới thành lập, hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu của công ty đại chúng có cổ phần được hoán đổi.
15	**Điều 50. Hồ sơ công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn** 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục dích phát hành; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành; danh sách nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành hoán đổi cho từng nhà đầu tư; phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.	**15. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 50 như sau:** "2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành; danh sách nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành hoán đổi cho từng nhà đầu tư; phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. *Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.* Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết".	Dự thảo Nghị định bổ sung quy định *"Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường"* để đảm bảo trách nhiệm của HĐQT

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
16	**Điều 58. Hồ sơ công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ** 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, danh sách chủ nợ, giá trị các khoản nợ phải trả được hoán đổi và số lượng cổ phiếu dự kiến hoán đổi cho từng chủ nợ, phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.	**Sửa đổi khoản 2 Điều 58 như sau:** "2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, danh sách chủ nợ, giá trị các khoản nợ phải trả được hoán đổi và số lượng cổ phiếu dự kiến hoán đổi cho từng chủ nợ, phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. *Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.* Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.".	phải báo cáo ĐHĐCĐ đầy đủ thông tin để ĐHĐCĐ xem xét, quyết định thông qua phương án phát hành nhằm đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch của phương án phát hành.
17	**Điều 64 Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty** 3. Có ~~tiêu chuẩn và~~ danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua. 4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, nguồn vốn chủ sở hữu dù để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau: a) Nguồn vốn chủ sở hữu sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm	**17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 64 như sau:** "1. Có phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được Đại hội đồng cổ đông thông qua, *trong đó phải nêu rõ đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành.* 3. Có ~~tiêu chuẩn và~~ danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông	- Làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ và HĐQT. Để hạn chế việc lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi, dự thảo làm rõ việc ĐHĐCĐ quyết định đối tượng, tiêu chuẩn, giá phát hành hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan của chính sách ESOP cho người lao động. - Bổ sung nguồn chia thưởng ESOP gồm *"Quỹ khen thưởng"*, thống nhất với Điều 63 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ;.... c) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ. 8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.	qua." 4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, nguồn vốn ~~chủ sở hữu~~ *sử dụng để phát hành* đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau a) Nguồn vốn ~~chủ sở hữu~~ sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được căn cứ trên BCTC kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; *quỹ khen thưởng;* quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; b) Trường hợp CTĐC là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, *quỹ khen thưởng*, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên BCTC của công ty mẹ *được kiểm toán*; c) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.	doanh nghiệp có hướng dẫn hạch toán trong trường hợp công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ khen thưởng để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trên thực tế, các công ty đại chúng đã sử dụng quỹ khen thưởng để thưởng cho người lao động thông qua việc phát hành cổ phiếu. Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung trường hợp nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động là quỹ khen thưởng. - Phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua có quy định trường hợp cổ phiếu được mua lại. Việc mua lại theo phương án phát hành không như là chuyển nhượng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, *ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.* *Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng được công ty mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động thì không còn hạn chế chuyển nhượng; công ty được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*	thông thường mà bản chất là thu hồi cổ phiếu đã phát hành nên không thuộc bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm. Việc sửa đổi quy định ngoại trừ thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành (01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành) đối với trường hợp được mua lại theo quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị công ty thông qua, thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 37 Luật Chứng khoán (sửa đổi).
18	**Điều 65 Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng** 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động, trong đó phương án phát hành nêu rõ: số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành. Trường hợp phương án phát hành không nêu cụ thể giá phát hành, nguyên tắc xác định giá thì giá phát hành được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này. 3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua tiêu chuẩn	**18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 65 như sau:** "2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động ~~phương án phát hành phải~~ nêu rõ: *đối tượng, tiêu chuẩn,* số lượng cổ phiếu phát hành; giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành. ~~Trường hợp phương án phát hành không nêu cụ thể giá phát hành, nguyên tắc xác định giá thì giá phát hành được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.~~Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này. 3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, *trường hợp công ty mua*	- Để hạn chế việc lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi, dự thảo bổ sung quy định đối tượng và tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình phải được ĐHĐCĐ thông qua nhằm đảm bảo việc công khai, minh bạch trong quá trình xác định đối tượng và tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình. - Khoản 3 sửa đổi để phù hợp với khoản 13 Điều 1 Luật Chứng khoán năm 2024 sửa đổi khoản 6 Điều 36 Luật CK năm 2019 quy định không yêu cầu công ty giảm vốn điều lệ sau khi mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế. Trường hợp ày doanh

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.	*lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại.* Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.".	nghiệp phải bổ sung phương án dự kiến bán ngay trong phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua (xử lý tương tự trường hợp công ty chứng khoán sửa lỗi hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ)
19	**Điều 105. Đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên** 1. Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của thành viên trong các trường hợp sau: a) Bị đình chỉ hoạt động môi giới hoặc tự doanh chứng khoán; bị đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; ..	**19. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 105, bổ sung điểm e1 sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:** **a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 105 như sau:** "a) Bị đình chỉ hoạt động môi giới hoặc tự doanh chứng khoán; bị đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên lưu ký; bị đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ;". **b) Bổ sung điểm e1 sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:** *"e1) Theo đề nghị của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 156 Nghị định này;".*	- Khoản 1a: Bỏ cụm từ "bù trừ" đồng thời bổ sung nội dung làm rõ hình thức xử lý tương ứng với quyền của thành viên của VSDC theo quy định tại Điều 56 Luật chứng khoán 2019 và khắc phục theo kết luận của UBKTTW, cụ thể: (i) TVLK không có quyền cung cấp dịch vụ bù trừ nên trong các hình thức xử lý vi phạm chỉ có đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán; (ii) TVBT có quyền thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán nên trong các hình thức xử lý vi phạm có đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. - Bổ sung trường hợp đình chỉ giao dịch của thành viên giao dịch theo đề nghị của VSDC (trong trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán) để phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 156 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
20	**Điều 106 chưa có quy định về thành viên tạo lập thị trường**	**20. Bổ sung Điều 106a vào sau Điều 106 như sau:** **"Điều 106a. Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ**	Thực tiễn trong thời gian qua cho thấy hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF có vai trò nhất định trong hoạt động

		quỹ hoán đổi danh mục *1. Điều kiện công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục:* *a) Là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam trên thị trường đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường;* *b) Là thành viên lập quỹ và được công ty quản lý quỹ lựa chọn ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ hoán đổi danh mục;* *c) Nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;* *d) Có quy trình nghiệp vụ về hoạt động tạo lập thị trường.* *2. Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục:* *a) Giấy đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 25A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;* *b) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường còn hiệu lực hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ hoán đổi danh mục với công ty quản lý quỹ;* *c) Bản sao hợp lệ hợp đồng lập quỹ hoán đổi danh mục còn hiệu lực với công ty quản lý quỹ;* *d) Danh sách nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường kèm theo bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao chứng chỉ*	của quỹ ETF, giúp cải thiện thanh khoản cho các chứng chỉ quỹ có thanh khoản kém. Luật Chứng khoán 2006 và văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF và chứng khoán phái sinh. Trên cơ sở Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 158/2020/NĐ-CP đã có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên tạo lập thị trường chứng khoán phái sinh. Tuy nhiên hiện chưa có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký về tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF. Do đó, từ năm 2021 đến nay, các công ty chứng khoán không thể đăng ký là thành viên tạo lập thị trường cho những quỹ ETF mới thành lập hoặc không thể đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường. Để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường quỹ ETF và đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, cần thiết bổ sung quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF.

		hành nghề chứng khoán; *đ) Quy trình nghiệp vụ về hoạt động tạo lập thị trường.* *3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường đầy đủ và hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quyết định chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường. Thành viên tạo lập thị trường có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường theo quy định tại quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.* *4. Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:* *a) Bị Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đình chỉ hoạt động giao dịch trên thị trường là thành viên tạo lập thị trường;* *b) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này và không khắc phục được điều kiện này sau thời hạn do Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam yêu cầu;* *c) Không tuân thủ một trong các nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường và Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam xét thấy cần phải đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường;* *d) Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.* *5. Tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường* *a) Hồ sơ tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường gồm Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 27A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		này; biên bản thanh lý hợp đồng tạo lập thị trường. *b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường trên thị trường là thành viên tạo lập thị trường.* *6. Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên tạo lập thị trường trong các trường hợp sau:* *a) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường mà thành viên tạo lập thị trường không khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến đình chỉ;* *b) Bị Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam hủy bỏ tư cách thành viên trên thị trường làm thành viên tạo lập thị trường;* *c) Các trường hợp khác để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.".*	
21	**Điều 107. Quy định chung** 1. Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết phải tuân thủ các quy định sau: ... đ) Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu), tổ	**Sửa đổi, bổ sung tên Điều 107, sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 107; bổ sung khoản 4, 5 Điều 107 như sau:** ***a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 107 như sau:*** *"Điều 107. Quy định chung về niêm yết chứng khoán"* **b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 107 như sau:** "đ) Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết cổ phiếu thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, ~~phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu~~), tổ chức đăng ký niêm yết phải	- Làm rõ chỉ yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu *(thay vì kiểm toán toàn bộ khoản mục vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành)* khi đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu (có thu tiền), giảm chi phí, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và phù hợp với thực tế, do doanh nghiệp phát hành tăng vốn thì chỉ cần phải kiểm toán khoản

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận".	bổ sung báo cáo vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.". **c) Bổ sung khoản 4, 5 Điều 107 như sau:** *"4. Kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức đăng ký niêm yết, tổ chức niêm yết được xem xét theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Nghị định này.* *5. Trường hợp tổ chức niêm yết hồi tố báo cáo tài chính được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu tại điểm e khoản 1 Điều 120 và tỷ lệ lợi nhuận sau*	mục vốn góp của chủ sở hữu mà không phải kiểm toán lại các khoản mục khác như các quỹ, lợi nhuận sau thuế...; - Bỏ ngoại trừ đối với trường hợp "phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu" do: Việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu là hình thức chuyển Nợ thành Vốn, ngoài ra, trường hợp không chuyển đổi hết trái phiếu thành cổ phiếu sẽ làm thay đổi giá trị Nợ và vốn. Do đó, cần phải phải thực hiện kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu để xác định lại mức vốn. Bên cạnh đó, hiện nay việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại một số doanh nghiệp bất động sản có phát sinh rủi ro về số lượng chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi, có thể có phát sinh tranh chấp giữa người sở hữu trái phiếu và tổ chức phát hành nên cần thiết phải có tổ chức kiểm toán thực hiện vốn góp trong trường hợp chuyển đổi trái phiếu. - Quy định hiện hành chưa có hướng dẫn về loại BCTC sẽ sử dụng khi xem xét các tiêu chí tài chính tại điều kiện đăng ký niêm yết và điều kiện khi xem xét hủy niêm yết bắt buộc đối với tổ chức đăng ký niêm yết, tổ chức niêm yết là công ty mẹ hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị trực thuộc. Do đó, dự thảo làm rõ căn cứ Báo cáo tài chính để xem xét điều kiện kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế tại điểm c khoản 1 Điều 109 Nghị định này được xác định trên báo cáo tài chính được kiểm toán sau khi hồi tố.".	của tổ chức niêm yết tương tự với các quy định về chào bán, phát hành chứng khoán; giúp xử lý các hồ sơ thống nhất, rõ ràng. *- Bổ sung để có cơ chế xử lý các trường hợp hồi tố số liệu BCTC dẫn đến bị thua lỗ 03 năm liên tục hoặc phát sinh lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hoặc vốn chủ sở hữu âm hoặc không đáp ứng các chỉ tiêu tài chính khi đăng ký niêm yết.*
22	**Điều 109. Điều kiện niêm yết cổ phiếu** 1. Điều kiện niêm yết cổ phiếu c)Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5% và hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết; không có lỗ lũy kế căn cứ trên BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên được soát xét trong trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc của kỳ lập BCTC bán niên.	**Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 109 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 109 như sau:** c) Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5% và hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi; ~~không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết;~~ không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, trong trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc của kỳ lập báo cáo tài chính bán niên thì căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán. *Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết mà nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đến Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các chỉ tiêu nêu trên căn cứ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này;*	- Bỏ tiêu chí **"không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết"**, do: Hiện nay chỉ tiêu này dựa vào cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết; với các thông tin hiện tại trong hồ sơ ĐKNY không có có cơ sở để xem xét; Tổ chức kiểm toán cũng không xác nhận đối với thông tin này, phụ thuộc hoàn toàn vào thông tin cam kết của doanh nghiệp. Ngoài ra, thực tế phát sinh những doanh nghiệp có quy mô lớn (nhiều công ty con, nhiều đơn vị trực thuộc...) với rất nhiều khoản nợ phải trả và trong quá trình xem xét hồ sơ niêm yết không thể rà soát được toàn bộ nợ quá hạn đảm bảo không có nợ quá hạn trên một năm. Hoặc một số trường hợp nợ quá hạn phát sinh tại công ty con có giá trị nhỏ không trọng yếu nhưng sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ tiến độ xem xét hồ sơ niêm yết.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	- Khoản 2 "2 Việc phân loại, sắp xếp cổ phiếu niêm yết căn cứ vào các tiêu chí quy định tại quy chế niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, bao gồm: vốn điều lệ, giá trị vốn hóa, thời gian hoạt động, tình hình tài chính, cơ cấu cổ đông không phải là cổ đông lớn, quản trị công ty."	**b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 109 như sau:** 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại, sắp xếp, chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.	- Bổ sung thêm nội dung trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết gắn với IPO quá kỳ kế toán năm, các chỉ tiêu tài chính phải căn cứ vào BCTC Kiểm toán do: Tiếp thu ý kiến của VNX-HOSE: Để đảm bảo các chỉ tiêu như ROE, hoạt động kinh doanh của 2 năm liền trước, lỗ lũy kế căn cứ vào BCTC kiểm toán do BCTC năm liền trước trong trường hợp này có thể chưa có kiểm toán. - Sửa đổi, bổ sung theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nhằm đảm bảo pháp lý cao hơn trong việc phân loại, sắp xếp, chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết, trong đó xem xét cả việc phải chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết để đảm bảo việc phân loại, sắp xếp cổ phiếu niêm yết được triệt để.
23	**Điều 110. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ** **1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa bao gồm:** b) Bản cáo bạch niêm yết theo Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức đăng ký niêm yết hoặc quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa	**Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm h khoản 1 Điều 110 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 110 như sau:** "b) Bản cáo bạch niêm yết theo Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; ~~Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức đăng ký niêm yết hoặc~~ Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa (trong trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết	Dự thảo bỏ thành phần hồ sơ đăng ký niêm yết là Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức đăng ký niêm yết do khi hoàn thành việc chào bán, UBCKNN đã đồng thời gửi tổ chức phát hành và gửi cho SGDCK các giấy tờ trên; giảm thiểu TTHC cho doanh nghiệp.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	(trong trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp cổ phần hóa); Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu; e) Giấy chứng nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc cổ phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký chứng khoán tập trung;	cổ phiếu của doanh nghiệp cổ phần hóa); Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu. **Bãi bỏ điểm e**	Dự thảo Nghị định bỏ thành phần hồ sơ đăng ký niêm yết tại điểm e khoản 1 Điều 110 là *"Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.."* **Lý do:** *Một là*, đảm bảo sự phù hợp giữa quy định về hồ sơ với quy định về điều kiện đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch Nghị 155 quy định về điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch, trong đó không có điều kiện chứng khoán đó đã đăng ký tập trung tại VSDC. Về nguyên tắc, thành phần hồ sơ phải tương ứng với điều kiện để chứng minh việc đáp ứng điều kiện. Tuy nhiên, GCN đăng ký chứng khoán tại hồ sơ đăng ký niêm yết/đăng ký giao dịch không tương ứng với điều kiện đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch. *Hai là*, đảm bảo phù hợp với trình tự của thủ tục đăng ký chứng khoán; thủ tục chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch và thủ tục đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

			Việc quy định hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch phải có GCN đăng ký chứng khoán như hiện nay dẫn đến việc công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC trước, sau đó mới thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán, khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 136 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì sau khi UBCK xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng hoặc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng hoặc khi thay đổi số lượng chứng khoán, công ty đại chúng, tổ chức phát hành đã có thể thực hiện ngay thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch một cách độc lập với thủ tục đăng ký chứng khoán. Việc bỏ thành phần hồ sơ này cũng sẽ tạo cơ sở để công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện đồng thời thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch và thủ tục đăng ký chứng khoán, qua đó rút ngắn thời gian đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK. *Ba là*, đảm bảo sự phù hợp và khả thi khi triển khai trên thực tiễn Thực tế hiện nay, việc xem xét chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch tại các SGDCK dựa trên điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch hoàn toàn độc lập với việc đăng ký chứng khoán tại VSDC và không có sự trùng lắp về thành phần, nội dung hồ sơ (kể

			cả các thông tin về cơ cấu cổ đông, điều kiện nắm giữ của các đối tượng theo quy định tại hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch cũng không thuộc phạm vi xem xét của VSDC). Vì vậy, các SGDCK có đủ cơ sở chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch nếu chứng khoán đáp ứng điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch mà không nhất thiết phải phụ thuộc vào việc chứng khoán đó đã được đăng ký tại VSDC hay chưa. Chỉ sau khi chứng khoán được chấp thuận niêm yết muốn đưa lên giao dịch, SGDCK mới cần có thông tin về Mã chứng khoán do VSDC cấp để đảm bảo đồng bộ thông tin kĩ thuật giữa hai hệ thống. Vấn đề này đã được đáp ứng thông qua cơ chế phối hợp hiện nay giữa các SGDCK và VSDC, theo đó sau khi VSDC đăng ký chứng khoán đều gửi thông tin cho SGDCK (bao gồm thông tin mã chứng khoán) để đưa chứng khoán vào giao dịch. Về phía công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải kê khai thông tin "đã được VSDC cấp GCN đăng ký chứng khoán, Mã chứng khoán" trong Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu/bổ sung nộp cho SGDCK (hiện nay Quy chế niêm yết của SGDCK đã quy định nội dung này). SGDCK có trách nhiệm đối chiếu thông tin với GCN đăng ký chứng khoán nhận được từ VSDC và đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống. Cho đến nay, chưa xảy ra trường hợp nào chứng khoán không giao

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	h. Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định này.	**b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 Điều 110 như sau:** "h) Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định này (ngoại trừ trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần). Trường hợp công ty cổ phần đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này."	dịch được do VSDC chưa đăng ký chứng khoán. Để đảm bảo chứng khoán trước khi đưa lên giao dịch đã đăng ký tại VSDC, UBCK đã bổ sung vào sau khoản 3 Điều 149 Nghị định 155 như sau: "*Công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống giao dịch của SGDCK*". - Bổ sung để thống nhất hồ sơ IPO và niêm yết, giúp Doanh nghiệp, SGDCK, UBCK chỉ xem xét trên cùng thành phần hồ sơ.
24	**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa quy định về việc niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng**	**Bổ sung Điều 111a vào trước Điều 111 như sau:** ***"Điều 111a. Thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần*** *1. Tổ chức phát hành khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết chứng khoán có trách nhiệm gửi đồng thời hồ sơ đăng ký niêm yết*	- Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng gắn liền với việc niêm yết cổ phiếu là một quy định cơ bản theo thông lệ quốc tế. Theo đó, cổ phiếu được chào bán lần đầu ra công chúng sẽ được niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu được

		chứng khoán gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, đ, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này để Sở Giao dịch chứng khoán xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết. *2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đầy đủ và hợp lệ, trường hợp tổ chức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đã góp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm c, e, g khoản 1 Điều 109 Nghị định này, SGDCK có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết về việc đã đáp ứng các quy định trên ~~(nêu rõ tổ chức đăng ký niêm yết phải hoàn thiện thủ tục đăng ký niêm yết sau hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại khoản 3 Điều này)~~, đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết không đáp ứng điều kiện, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.* *3. Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, SGDCK có công văn yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung tài liệu như sau:* *a) Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết theo Mẫu số 28A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;* *b) Bản Cáo bạch niêm yết cập nhật các nội dung thay đổi theo Mẫu số 29a Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;* *c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;* *d) Tài liệu quy định điểm c, d khoản 1 Điều 110 Nghị định này.* *4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày UBCKNN có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức đăng ký niêm yết có trách nhiệm gửi bổ sung cho SGDCK nơi đăng ký niêm yết các tài liệu nêu tại khoản 3 Điều này.* *5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ và*	chào bán, đảm bảo sự thành công của hoạt động huy động vốn qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. - Theo quy định tại Luật Chứng khoán, thời điểm để hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (do UBCKNN thực hiện) và hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu (do các Sở giao dịch chứng khoán thực hiện) là khác nhau. Do đó, nhiều trường hợp sau khi kết thúc đợt chào bán mới thực hiện xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, khi đó nếu doanh nghiệp có biến động về tình hình kinh doanh liên quan đến điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải mất thêm khoảng thời gian khá dài để tiến hành cập nhật tài liệu trong hồ sơ. Do đó, việc xem xét, sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu gắn với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là cần thiết, rút ngắn thời gian giữa chào bán và niêm yết cổ phiếu; giảm TTHC cho doanh nghiệp.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		hợp lệ các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đáp ứng điều kiện về giá trị vốn hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 109 Nghị định này, SGDCK có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. *6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi SGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký cổ phiếu đó.".*	
25	**Điều 111.** Thủ tục đăng ký niêm yết	**Sửa đổi, bổ sung tên Điều 111 và sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 111 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 111 như sau:** "Điều 111. Thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu *không thuộc trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ".* **b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 111 như sau:** "2. ~~Trong thời hạn 90~~ 30 ~~ngày kể từ ngày được chấp thuận~~	Sửa đổi tên Điều 111 để tách bạch thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu gắn với IPO và trường hợp niêm yết cổ phiếu khác. - Tiếp thu ý kiến của VNX-HNX-HOSE: Do bãi bỏ quy định Giấy chứng nhận đăng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		~~niêm yết, tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa chứng khoán vào giao dịch~~ Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện thủ tục đưa cổ phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".	ký chứng khoán, giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh trong hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch và thay đổi niêm yết, thay đổi đăng ký giao dịch tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. + Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 14 Quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại tại VSDC ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 01/11/2024 của Hội đồng thành viên, VSDC khi gửi văn bản chứng nhận đăng ký chứng khoán, văn bản thông báo điều chỉnh số lượng chứng khoán cho tổ chức đăng ký chứng khoán, đồng thời gửi SGDCK và thành viên lưu ký. Khi đó, SGDK căn cứ để ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với chứng khoán niêm yết. + Quy định rõ trách nhiệm và thời gian TCĐKNY đưa cổ phiếu vào giao dịch. Để đảm bảo SGDCK thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với số lượng cổ phiếu thay đổi niêm yết thì cổ phiếu đã được đăng ký tại VSDC và sẵn sàng đưa vào giao dịch.
26	**Điều 113. Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng sau quá trình hợp nhất doanh nghiệp**	**26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 7 Điều 113 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:** "1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 112 Nghị định này, hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm các tài	- Bỏ tham chiếu đến điểm e khoản 1 Điều 110 do đã loại bỏ Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của VSDC (đã giải trình lý do tại mục 23).

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		liệu theo quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này, trong đó báo cáo tài chính quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của các doanh nghiệp bị hợp nhất. 2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 112 Nghị định này, hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này, trong đó báo cáo tài chính quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết cho năm liền trước năm thực hiện hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.". **b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:** "b) , Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện thủ tục đưa cổ phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".	- Lý do sửa điểm b khoản 7: Tương tự lý do sửa khoản 2 Điều 111.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	Điều 114. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết, đăng ký niêm yết cổ phiếu sau sáp nhập 2d. Tài liệu quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này.	- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau: "d) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.	- Do điểm c khoản 1 Điều 114 là "*Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp*" đã được bỏ tại Nghị định này.
	7c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết) và hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán mới vào giao dịch. Trường hợp chứng khoán niêm yết bổ sung bao gồm chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức niêm yết đồng thời đăng ký ngày giao dịch của chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng.	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau: "c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết) và hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán mới vào giao dịch. Trường hợp chứng khoán niêm yết bổ sung bao gồm chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức niêm yết đồng thời đăng ký ngày giao dịch của chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng. Sở Giao dịch Chứng khoánSGDCK ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở Giao dịch Chứng khoánSGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm	- Lý do: Tương tự lý do sửa khoản 2 Điều 111.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký cổ phiếu đó	
27	**Điều 115. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết, đăng ký niêm yết cổ phiếu sau chia, tách doanh nghiệp** 2. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết đối với trường hợp tách doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 112 Nghị định này bao gồm: a) Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu theo Mẫu số 30 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Báo cáo vốn chủ sở hữu của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách;	**27. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 115 như sau:** "b) Báo cáo vốn *góp của* chủ sở hữu của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách;"	Để phù hợp với việc sửa điểm đ khoản 1 Điều 107 Nghị định này: để làm rõ chỉ yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu (thay vì kiểm toán toàn bộ khoản mục vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành) khi đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết.
28	**Điều 117. Thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ khi thay đổi số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết không thuộc trường hợp sáp nhập, tách công ty hoặc các trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp** 2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết bao gồm: ...b) Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu	**- Sửa đổi tên Điều 117 như sau:** **"Điều 117. Thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng khi thay đổi số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết không thuộc trường hợp sáp nhập, tách công ty hoặc các trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp** **a) Sửa đổi điểm b, c khoản 2 Điều 117 như sau:** "b) Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán; Giấy phép	- Bỏ thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của VSDC (đã giải trình lý do tại mục 22). Bổ sung thành phần Giấy phép điều chỉnh giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng để đảm bảo rõ ràng, hạn chế vướng mắc cho SGDCK xử lý hồ sơ (chấp thuận niêm yết bổ sung khi đã

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	tư chứng khoán, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán; c) Báo cáo vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	điều chỉnh giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng sau đợt phát hành trong trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện phát hành có thu tiền; c) Báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu;".	TCTD đã có chấp thuận điều chỉnh Giấy phép của NHNN). - Bổ sung cho phù hợp với thực tiễn do trường hợp công ty tăng vốn chỉ cần kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu; các chỉ tiêu khác thuộc vốn chủ sở hữu như các quỹ, LNST doanh nghiệp không phải kiểm toán lại. Quy định này cũng giảm TTHC cho doanh nghiệp.
29	**Điều 118. Niêm yết trái phiếu doanh nghiệp** 2. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu bao gồm: a) Giấy đề nghị đăng ký niêm yết hái phiếu theo Mẫu số 28 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; c) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư, bao gồm các điều kiện thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, điều kiện chuyển đổi (trường hợp niêm yết trái phiếu chuyển đổi) và các điều kiện khác; d) Hợp đồng tư vấn niêm yết trái phiếu giữa tổ chức phát hành và công ty chứng khoán, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán;	**Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 118 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 118 như sau:** "b) Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; *Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu theo Mẫu số 29b Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này"* **Bãi bỏ các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 118** **b) Bổ sung điểm b khoản 3 Điều 118 như sau:** *"b)) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận niêm yết trái phiếu, tổ chức đăng ký niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch*	- Bổ sung điểm b khoản 2: Bổ sung Mẫu Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu do tại Mẫu số 28 đã bỏ hồ sơ đính kèm, trong đó có bao gồm Mẫu bản cáo bạch niêm yết trái phiếu. Việc này không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính. - Bãi bỏ điểm c, d, đ khoản 2: Theo quy định của Luật Chứng khoán, trái phiếu đã chào bán ra công chúng bắt buộc phải niêm yết do đó sẽ không xét điều kiện niêm yết trái phiếu đã chào bán ra công chúng mà hồ sơ nộp chỉ để SGDCK có đầy đủ thông tin để thông tin cho các nhà đầu tư, đảm bảo thông tin giao dịch là chính xác và phục vụ công tác giám sát tại SGDCK. - Sửa điểm b khoản 3 Điều 118: Lý do tương tự sửa khoản 2 Điều 111.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	đ) Giấy chứng nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký chứng khoán tập trung. 3. Thủ tục đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được chấp thuận niêm yết, tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa trái phiếu vào giao dịch.	*đầu tiên cho trái phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với trái phiếu chấp thuận niêm yết sau khi SGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký niêm yết đã đăng ký trái phiếu đó".*	
30	Nghị định số 155 chưa có quy định	**32. Bổ sung Điều 118a vào sau Điều 118 như sau:** ***"Điều 118a . Thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp*** *1. Tổ chức niêm yết thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trong trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.* *2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết bao gồm:* *a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết theo Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do dẫn đến việc thay đổi niêm yết và các tài liệu có liên quan;* *b) Báo cáo đã hoàn tất mua lại một phần trái phiếu doanh nghiệp hoặc hoàn tất chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu hoặc hoàn tất hoán đổi một phần trái phiếu và kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi*	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa có quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện mua lại một phần trái phiếu trước hạn, chuyển đổi, hoán đổi một phần trái phiếu. Do đó, cần bổ sung quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp để đảm bảo cơ sở cho doanh nghiệp thực hiện trên thực tế..

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		hoặc hoán đổi một phần trái phiếu. *3. Trình tự, thủ tục thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết* *a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu hoặc kể từ ngày thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu;* *b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết.".*	
31	Nghị định số 155 chưa có quy định	**Bổ sung Điều 119a vào sau Điều 119 như sau:** **"Điều 119a. Niêm yết chứng quyền có bảo đảm** *1. Hồ sơ niêm yết lần đầu chứng quyền có bảo đảm* *a) Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền theo Mẫu số 28B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;* *b) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (nếu có).* *2. Thủ tục chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm* *a) Tổ chức phát hành khi báo cáo kết quả chào bán chứng quyền cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời nộp hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán, hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.* *b)Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán chứng quyền và hồ sơ đăng ký niêm yết đã đầy*	Hiện nay, niêm yết chứng quyền có bảo đảm vẫn đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2016/TT-BTC và Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với CWs tại SGDCK TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Chứng khoán năm 2019, chứng quyền có bảo đảm được UBCKNN chấp thuận phải được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán năm 2019 đã giao Chính phủ quy định về hồ sơ, thủ tục niêm yết. Do đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục niêm yết CWs, thay đổi đăng ký niêm yết CWs tại Điều 119a.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		đủ, hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền. *c) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng quyền do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho tổ chức phát hành, Sở Giao dịch chứng khoán có Thông báo về việc niêm yết và giao dịch chứng quyền có bảo đảm. Chứng quyền được chính thức giao dịch trên hệ thống vào ngày làm việc thứ hai kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán có Thông báo về việc niêm yết và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.* *3. Thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền do thay đổi số lượng chứng quyền niêm yết khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:* *a) Tổ chức niêm yết thực hiện đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã chào bán.* *b) Tổng số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ các chứng quyền đã chào bán thuộc tất cả các tổ chức niêm yết chứng quyền vượt quá một tỷ lệ phần trăm tổng số lượng chứng khoán cơ sở tự do chuyển nhượng theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc giảm số lượng chứng quyền niêm yết thực hiện theo nguyên tắc:* *- Tổ chức niêm yết phải giảm số lượng chứng quyền niêm yết chưa lưu hành có thời gian còn lại dưới 02 tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn.* *- Trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành ít hơn 5% số lượng đã chào bán, giảm niêm yết 80% số lượng chứng*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		quyền đã chào bán; *- Trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành từ 5% đến 10% số lượng đã chào bán, giảm niêm yết 70% số chứng quyền đã chào bán;* *c) Tổ chức niêm yết được thay đổi giảm một phần sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày theo nguyên tắc: số chứng quyền còn lại (sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã chào bán.* *4. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm* *a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết theo Mẫu số 31A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;* *b) Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc thay đổi niêm yết (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 119a);* *c) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (nếu có).* *5. Thủ tục chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 119a* *a) Tổ chức phát hành khi báo cáo kết quả chào bán chứng quyền cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán, hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;* *b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán chứng quyền và hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết đã đầy đủ, hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết;*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		c) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng quyền do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho tổ chức phát hành, Sở Giao dịch chứng khoán có Thông báo về việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm thay đổi đăng ký niêm yết. Số lượng chứng quyền thay đổi tăng chính thức giao dịch trên hệ thống vào ngày làm việc thứ hai kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán có Thông báo về việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm thay đổi đăng ký niêm yết. *6. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 119a* *a) Sở Giao dịch chứng khoán thông báo cho các tổ chức niêm yết chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở về việc phải huỷ niêm yết một phần chứng quyền, đồng thời yêu cầu các tổ chức niêm yết báo cáo về số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian còn lại dưới 02 tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn;* *b) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo theo quy định tại điểm a Khoản này, các tổ chức niêm yết gửi Sở Giao dịch chứng khoán hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền;* *c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo đến các tổ chức niêm yết, căn cứ hồ sơ của các tổ chức niêm yết và xem xét Báo cáo hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với các tổ chức niêm yết không gửi hồ sơ, Sở Giao dịch chứng khoán cấp Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.* *7. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 119a* *Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ, Sở Giao dịch chứng khoán cấp Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng*	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		quyền. Trường hợp từ chối, Sở Giao dịch chứng khoán trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".	
32	**Điều 120 về hủy niêm yết bắt buộc** 1. Cổ phiếu của công ty đại chúng bị hủy bỏ niêm yết khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: - **Điểm b khoản 1:** Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ 01 năm trở lên; - **Điểm c khoản 1:** Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành; - **Điểm đ khoản 1:** "Cổ phiếu không đưa vào giao dịch trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết" - **Điểm e khoản 1:** "Kết quả sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ trong 03 năm liên tục hoặc tổng số lỗ	**Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, đ, điểm e, điểm i, điểm l, điểm o khoản 1, điểm a khoản 3, điểm a và c khoản 5 Điều 120 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, đ, điểm e, điểm i, điểm l, điểm o khoản 1 Điều 120 như sau:** "b) "Tổ chức niêm yết *đăng ký tạm* ngừng *kinh doanh* hoặc bị *tạm* ngừng ~~các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính~~, *đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu/quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền* từ 01 năm trở lên" c) Tổ chức niêm yết bị thu hồi ~~Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc~~ Giấy phép ~~hoạt động trong lĩnh vực~~ chuyên ngành đ) Cổ phiếu không đưa vào giao dịch trong thời hạn ~~90~~ 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết; e) Hoạt động kinh doanh bị thua lỗ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tục hoặc tổng số lỗ luỹ	Để thống nhất với Điều 206 Luật Doanh nghiệp năm 2020 chỉ có trường hợp (1) doanh nghiệp *đăng ký tạm ngừng kinh doanh* (bằng thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh) hoặc (2) *bị tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu/quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;* Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp, việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh phải được căn cứ trên các văn bản/giấy tờ tương ứng và/hoặc thực hiện các thủ tục theo quy định. Trên cơ sở đó, các SGDCK có cơ sở để thực hiện giám sát. - Sửa điểm c khoản 1: Theo điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 118/2020/TT-BTC quy định về hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp công ty đại chúng bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do đó, tổ chức sẽ bị hủy niêm yết do không còn đáp ứng là công ty đại chúng theo điểm a khoản 1 Điều 120 NĐ 155. - Sửa đổi điểm đ khoản 1: để thống nhất với thời hạn tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa cổ phiếu vào giao dịch là 30 ngày kể từ ngày được chấp thuận niêm yết (Điều 111a, Điều 111).

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	luỹ kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp hoặc vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét;".	kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp hoặc vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính được kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét;	- Sửa điểm e khoản 1: "kết quả sản xuất, kinh doanh" thành "Hoạt động kinh doanh" để thống nhất với điều kiện đăng ký niêm yết và điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng tại Luật Chứng khoán. Bổ sung 03 năm liên tục gần nhất để SGDCK có cơ sở xem xét việc hủy niêm yết.
	- **Điểm i khoản 1:** "Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm trong 3 năm liên tiếp"	i) Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tiếp hoặc kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước.	- Sửa đổi điểm i khoản 1: để phù hợp với thực tiễn hiện nay, các SGDCK thường hủy niêm yết cổ phiếu bắt buộc khi TCNY không nộp BCTC năm có kiểm toán của năm tài chính liền trước sau khi kết thúc năm tài chính với lý do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ CBTT.
	- **Điểm l khoản 1:** "Tổ chức niêm yết bị xử lý vi phạm về các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 Điều 12 Luật Chứng khoán" .	l) Tổ chức niêm yết bị xử lý vi phạm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 Điều 12 Luật Chứng khoán;	- Sửa điểm l khoản 1: Tiếp thu HOSE để có cơ sở xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
	- **Điểm m khoản 1:** Tổ chức niêm yết bị đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động đối với ngành nghề hoặc hoạt động kinh doanh chính;		- **Bỏ điểm m:** Do đã tổng hợp vào điểm b khoản 1.
	- **Điểm o khoản 1:** "Tổ chức niêm yết vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin, không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Sở giao dịch chứng khoán và các trường hợp khác mà Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư"	o) Tổ chức niêm yết ~~vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin~~, không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Sở giao dịch chứng khoán quá 06 tháng kể từ thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; các trường hợp khác mà Sở giao dịch chứng khoán hoặc UBCKNN xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.".	- Sửa đổi điểm o khoản 1: quy định để đảm bảo các SGDCK có mốc thời gian để xem xét việc hủy niêm yết khi tổ chức niêm yết vi phạm không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với SGDCK. Bỏ "vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin" do các trường hợp vi phạm công bố thông tin nghiêm trọng đã được cụ thể tại các trường hợp huỷ bỏ niêm yết.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	- Điểm g, k, l khoản 1: *g) Tổ chức niêm yết chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản;* *k) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán phát hiện tổ chức niêm yết giả mạo hồ sơ niêm yết;* *l) Tổ chức niêm yết bị xử lý vi phạm về các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 Điều 12 Luật Chứng khoán;*	**Bãi bỏ điểm g, k, m khoản 1 Điều 120**	- Bãi bỏ điểm g do theo khoản 5 Điều 38 Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15 quy định như sau: "*5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc hủy tư cách công ty đại chúng, trình tự, thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng và việc hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng do tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp*.". Do đó, trường hợp tổ chức niêm yết tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản sẽ bị hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định của Bộ Tài chính, theo đó sẽ bị hủy niêm yết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155. - Khoản 33 Điều 1 dự thảo Nghị định (bãi bỏ Điểm k khoản 1 Điều 120): Điểm l khoản 1 Điều 120 đã bao quát trường hợp tại điểm k khoản 1 Điều 120 do theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán, các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm hành vi "làm giả tài liệu" gây ảnh hưởng đến hoạt động niêm yết. Việc bỏ điểm k khoản 1 Điều 120 không ảnh hưởng đến các tiêu chí hủy niêm yết. - Đối chiếu với quy định về hủy niêm yết đối với cổ phiếu, công ty đại chúng không đáp ứng điều kiện về số lượng nhà đầu tư tối thiểu 100 nhà đầu tư sẽ có thời hạn 01 năm để thực hiện khắc phục.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	Điểm a khoản 3 a) Quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng không còn đáp ứng điều kiện có ít nhất 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; **Điểm a, c khoản 5** a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc trái phiếu niêm yết được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn; c) Các trường hợp quy định tại các điểm b, c, e, h, i, k, l, m khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 119 Nghị định này; tổ chức phát hành không đưa trái phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Nghị định này.	- Sửa điểm a khoản 3: "a) Quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng không còn đáp ứng điều kiện có ít nhất 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp *trong thời gian 06 tháng liên tục*;". **c) Sửa đổi điểm a và điểm c khoản 5 Điều 120 như sau:** "a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn (bao gồm trường hợp được tổ chức niêm yết gia hạn thời gian đáo hạn); trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;". c) Các trường hợp quy định tại các điểm b, c, h, l, m khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 119 Nghị định này; tổ chức phát hành không đưa trái phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Nghị định này.".	Nhằm giảm thiểu rủi ro quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do nguyên nhân khách quan và thống nhất cách ứng xử giữa các chứng khoán niêm yết trên SGDCK, đề xuất sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 120 Nghị định 155 theo hướng bổ sung thời hạn khắc phục cho quỹ niêm yết. - Sửa điểm a, c khoản 5: Quy định phù hợp với trường hợp hủy bỏ niêm yết TPDN. Việc tổ chức niêm yết không thanh toán đúng thời gian đáo hạn cho thấy khả năng thanh toán của TCNY có vấn đề nên việc tiếp tục cho trái phiếu này được niêm yết sẽ gây ra rủi ro cho SGDCK, do bản chất của trái phiếu chú trọng đến yếu tố thanh toán gốc và lãi trái phiếu. Việc chậm CBTT BCTC 3 năm và lỗ lãi không ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nghĩa vụ trả gốc lãi theo quy định tại phương án phát hành; Các khoản nợ được ưu tiên hoàn trả trước chủ sở hữu của doanh nghiệp (cổ đông của doanh nghiệp). Do đó, **bỏ dẫn chiếu đến điểm e, điểm i khoản 1 Điều 120.** Ngoài ra, tên Điều 111 đã sửa lại thành thủ tục đăng ký niêm yết chỉ cho cổ phiếu, chứng chỉ quỹ nên không dẫn chiếu đến Điều 111 mà phải dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 118 là "thủ tục niêm yết TPDN"

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
33		**d) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 120 như sau:** *"7. Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ quyết định không hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể".*	***Nội dung này được chuyển từ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP rút gọn sang.*** Việc bổ sung quy định về trường hợp đặc biệt không hủy bỏ niêm yết bắt buộc trong một thời gian nhất định nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng khó khăn và phục hồi sản xuất kinh doanh.
34	**Điều 121. Hủy bỏ niêm yết chứng khoán tự nguyện** ...2. Điều kiện được hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm tự nguyện: Tổ chức phát hành được hủy niêm yết tự nguyện một phần hoặc toàn bộ chứng quyền chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu là 30 ngày theo nguyên tắc: a) Trường hợp vẫn còn chứng quyền đang lưu hành, số chứng quyền còn lại (sau khi trừ phần dự kiến hủy niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã phát hành; b) Trường hợp tổ chức phát hành đã sở hữu toàn bộ số chứng quyền đã phát hành, tổ chức phát hành được đề nghị hủy niêm yết tất cả số chứng quyền đã phát hành.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 121 như sau:** **a) Sửa đổi Khoản 2 Điều 121 như sau:** "2. Điều kiện được hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm tự nguyện: ~~Tổ chức phát hành được hủy niêm yết tự nguyện một phần hoặc toàn bộ chứng quyền chưa lưu hành sau ngày theo nguyên tắc:~~ ~~a) Trường hợp vẫn còn chứng quyền đang lưu hành, số chứng quyền còn lại (sau khi trừ phần dự kiến hủy niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã phát hành;~~ *Tổ chức niêm yết sở hữu toàn bộ số chứng quyền chưa lưu hành được đề nghị hủy niêm yết tất cả số chứng quyền chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày.".* ~~b) Trường hợp tổ chức phát hành đã sở hữu toàn bộ số chứng quyền đã phát hành, tổ chức phát hành được đề nghị hủy niêm yết tất cả số chứng quyền đã phát hành."~~ **b) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 121 như sau:** "b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (đối với trường	Bỏ điểm a Khoản 2 Điều 121 do đây là trường hợp hủy niêm yết một phần đã được chuyển sang quy định tại khoản 3 Điều 119a về thay đổi đăng ký niêm yết (thay đổi giảm).

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		hợp hủy bỏ niêm yết cổ phiếu) hoặc của Đại hội nhà đầu tư (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng chỉ quỹ) hoặc của Hội đồng quản trị *hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu* (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm) thông qua việc hủy bỏ niêm yết tự nguyện;".	Bổ sung thẩm quyền của hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty để phù hợp với mô hình công ty TNHH
35	**Điều 124. Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài** 1. Hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm: b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết cổ phiếu; tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 118 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết trái phiếu. 2. Thủ tục đăng ký niêm yết b) Sau khi tổ chức phát hành nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận làm thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, tổ chức phát hành phải gửi Sở giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này). Thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo Điều 111 Nghị định này.	**Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 124 như sau:** **a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 124 như sau:** "b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết cổ phiếu; tài liệu quy định tại điểm b, ~~e, d, đ~~ khoản 2 Điều 118 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết trái phiếu". **b) Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 124 như sau:** "b) Sau khi tổ chức phát hành nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận làm thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, tổ chức phát hành phải gửi Sở giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này). Thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo Điều 111, *Điều 118* Nghị định này.".	- Sửa điểm b khoản 1: Do khoản 5 Điều 2 đã bỏ các điểm e khoản 1 Điều 110, điểm c, d, đ khoản 2 Điều 118. - Sửa điểm b khoản 2: Do Điều 111 đã đổi tên thủ tục chỉ dành cho cổ phiếu, chứng chỉ quỹ.
36	**Điều 126 "Điều kiện niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài"**	**Sửa đổi, bổ sung Điều 126 như sau:** **"Điều 126. Điều kiện niêm yết, giao dịch chứng khoán *của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ***	- Sửa tên điều do các công ty chưa đại chúng không chịu quản lý, giám sát của UBCK. Các tổ chức này sẽ tự chịu trách nhiệm đối với việc niêm yết, giao dịch tại SGDCK nước ngoài.

		đầu tư chứng khoán **tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.".** *1. Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài mà cơ quan quản lý thị trường chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán đã có thoả thuận hợp tác với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài theo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đáp ứng quy định của thị trường nơi chứng khoán niêm yết, giao dịch.* 2. Điều kiện chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài bao gồm: a) Không thuộc danh mục ngành nghề mà pháp luật cấm bên nước ngoài tham gia và phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật. b) Tổ chức phát hành đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải gắn với chào bán chứng khoán ra nước ngoài. c) Có quyết định thông qua việc niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên) hoặc chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách	- Sửa đổi theo hướng làm rõ lại Điều 126 để tránh cách hiểu UBCK phải xem xét việc công ty đáp ứng điều kiện niêm yết ở nước ngoài. UBCK chỉ xem xét đề nghị của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục niêm yết ở nước ngoài. Doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện quy định tại thị trường nới chứng khoán niêm yết, giao dịch

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		nhiệm hữu hạn một thành viên). d) Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam. đ) Tổ chức phát hành là tổ chức kinh doanh có điều kiện phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.	
37	**Điều 127 "Đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài"**	**Sửa đổi, bổ sung Điều 127 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 127 như sau :** "Điều 127. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán *của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán* tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài"; **b) Bổ sung khoản 2 Điều 127 như sau:** "2. Thủ tục chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời về việc chấp thuận đề nghị đăng ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của tổ chức phát hành Việt Nam;	- Lý do sửa tên Điều 127: Tương tự sửa tên Điều 126 - Sửa tên và khoản 2, 3 Điều 127 làm rõ là UBCK chỉ chấp thuận đề nghị việc đăng ký niêm yết, giao dịch ở nước ngoài. Còn việc chấp thuận niêm yết, giao dịch là do nước sở tại.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.". **c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 127 như sau:** "3. Trường hợp chào bán, phát hành chứng khoán ra nước ngoài gắn với niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cùng hồ sơ đề nghị chấp thuận việc đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản trả lời đồng thời về hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chào bán, phát hành chứng khoán ra nước ngoài và hồ sơ đề nghị chấp thuận việc đăng ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của tổ chức phát hành Việt Nam theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.	
38	**Điều 128. Nghĩa vụ của doanh nghiệp có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài**	**Sửa đổi tên Điều 128 như sau:** **"Điều 128. Nghĩa vụ của *công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán* có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài"**	- Lý do: Tương tự sửa tên Điều 126
39			
40	**Điều 133. Đối tượng và thời hạn thực hiện đăng ký giao dịch**	**Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 133 như sau:** "b) Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc hoặc hủy bỏ niêm yết	- *Sửa đổi quy định về đối tượng đăng ký giao dịch* để tránh cách hiểu không thống nhất, làm rõ trường hợp dù công ty bị hủy

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	1. Đối tượng đăng ký giao dịch …b) Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc hoặc hủy bỏ niêm yết tự nguyện nhưng vẫn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng;	tự nguyện nhưng vẫn ~~đáp ứng điều kiện~~ là công ty đại chúng.".	niêm yết, không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng vẫn xuống giao dịch tại UpCom trong vòng 1 năm. Sau thời hạn này, nếu doanh nghiệp vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng mới xem xét hủy đăng ký giao dịch; thống nhất với quy định về hủy tư cách đại chúng.
41	**Điều 134. Hồ sơ đăng ký giao dịch** 1. Hồ sơ đăng ký giao dịch của công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán bao gồm: ….đ) Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và văn bản thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch.	**Bãi bỏ điểm đ Khoản 1 Điều 134.**	Lý do tương tự mục 23. Đối với văn bản thông báo cho VSDC về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch thực tế xử lý hồ sơ VSDC không nhận được văn bản này.
42	**Điều 135. Thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom** 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 Nghị định này, SGDCK có quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường". 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch, tổ chức phát hành có	**Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 135 như sau:** "1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ ~~hoặc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 Nghị định này)~~, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường". *2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành văn bản chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch*	**Lý do:** tương tự mục 23

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	trách nhiệm đưa cổ phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.	*chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký giao dịch). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận đăng ký giao dịch sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc tổ chức đăng ký giao dịch đã đăng ký cổ phiếu đó".*	
43	**Điều 139. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam** 1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau: a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế; b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó; ….e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty.	**Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 139 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm e Khoản 1 Điều 139 như sau:** "e) Trường hợp *Thủ tướng Chính phủ* quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa khác tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty thực hiện theo tỷ lệ đó.". **b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 139 như sau:** "2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.".	- **Khoản 1:** Dự thảo bỏ quy định tại Điều 139 *cho phép ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty đại chúng được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn quy định pháp luật, trừ trường hợp có quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ* đảm bảo quyền lợi của cổ đông nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp, cũng như giảm rủi ro cho nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) khi họ không lường được các thay đổi từ doanh nghiệp, từ đó tăng tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam, thu hút NĐTNN; đồng thời sửa tương ứng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng. - **Khoản 2:** Làm rõ trách nhiệm xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa tương tự các công ty đại chúng; đảm bảo thống nhất trong ứng xử các doanh nghiệp

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	2. Doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. .... 5. Trường hợp công ty đại chúng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty. Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, các cổ đông của công ty đại chúng là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoại trừ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc mua cổ phiếu trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.	**c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 139 như sau:** "5. Công ty đại chúng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định tại các khoản 1, 2 Điều này phải bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty. Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, các cổ đông của công ty đại chúng là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng tuân thủ quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, ngoại trừ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng, mua cổ phiếu trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền hoặc nhận cổ phiếu do hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, do thừa kế hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án.".	và NĐTNN được giao dịch trong room theo quy định pháp luật. **- Khoản 5:** + Bổ sung các trường hợp ngoại trừ về việc hạn chế chuyển nhượng khi CTĐC có room vượt mức tối đa để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của cổ đông nước ngoài và làm rõ việc NĐTNN chỉ được bán ra cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước khi tỷ lệ SHNN của CTĐC vượt mức tối đa, đảm bảo rõ ràng trong thi hành, tránh cách hiểu NĐTNN có thể chuyển nhượng cho NĐTNN khác.
44	**Điều 141. Trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng** 1. Công ty đại chúng có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 141 như sau:** **"Điều 141. Trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối *đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa* của công ty đại chúng** 1. Công ty đại chúng có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy	Sửa đổi tên để phù hợp với trách nhiệm của công ty đại chúng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	2. Công ty đại chúng có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Nghị định này. 3. Trường hợp công ty đại chúng chưa thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Điều 142 Nghị định này, công ty phải thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng. 4. Công ty đại chúng phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối da trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau: a) Thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty; b) Quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh công ty đang hoạt động có sự thay đổi; c) Điều lệ công ty có quy định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.	ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. 2. Công ty đại chúng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp khi xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 139 Nghị định này. 3. Trường hợp công ty đại chúng chưa thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Điều 142 Nghị định này, công ty phải hoàn tất thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng. 4. Công ty đại chúng phải thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối da trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau: a) Thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty; b) Quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh công ty đang hoạt động có sự thay đổi; c) Thủ tướng Chính phủ quyết định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này; d) Pháp luật về cổ phần hóa có quy định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.”.	- Khoản 2: Quy định rõ về trách nhiệm của CTĐC trong xác định tỷ lệ SHNN tối đa. - Khoản 3: Làm rõ việc CTĐC phải hoàn tất thông báo tỷ lệ SHNN tối đa trước khi thực hiện đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Khoản 4: Sửa đổi quy định để thống nhất với Điều 139 Nghị định sửa đổi - Khoản 4.c, d: Bổ sung thêm 02 trường hợp thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa: + Trường hợp thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ tương ứng với thay đổi quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139. + Trường hợp thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa tương ứng với khoản 2 Điều 139

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
45	**Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng** 1. Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 141 Nghị định này bao gồm: a) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh; c) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty (nếu có); d) Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng (đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này).	**"Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa *và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa* tại công ty đại chúng** 1. Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 141 Nghị định này bao gồm: a) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc ~~giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương,~~ Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh; c) Trường hợp *công ty đại chúng là* doanh nghiệp cổ phần hóa *theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định này* thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có); *d) Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);* 2. Hồ sơ thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định này bao gồm:	- Sửa đổi nội dung quy định tại Điều 142 để thống nhất với quy định tại Điều 141 dự thảo. - Khoản 1.b: + Bổ sung thêm "hoặc" để tránh nhầm lẫn việc phải nộp cùng lúc nhiều loại giấy tờ. + Bổ sung thêm "tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh" để làm rõ hơn thành phần hồ sơ công ty phải nộp. - Khoản 1.d: Quy định rõ thành phần hồ sơ áp dụng đối với trường hợp tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ tương ứng với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	2. Hồ sơ thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định này bao gồm: a) Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều này; 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng, đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. 4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.	a) Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; *c) Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);* *d) Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có).* 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam *và Sở giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu*. 4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.".	- Khoản 2.b: Sửa lại dẫn chiếu - Khoản 2.c,d: Bổ sung thành phần hồ sơ đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tương ứng với quy định tại điểm c, d khoản 4 Điều 141. - Khoản 3: Bổ sung cụm từ "Sở giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu" để Sở giao dịch Chứng khoán thực hiện giám sát.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
46	**Điều 143. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán** 1. Tổ chức kinh tế là công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng và các tổ chức kinh tế khác có vốn đầu tư nước ngoài phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. 4. Trường hợp tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều này phải áp dụng điều kiện, trình tự, thủ tục như nhà đầu tư nước ngoài dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng vượt quá tỷ lệ quy định tại Điều 139 Nghị định này thì nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho đến khi tỷ lệ SHNN tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 139 Nghị định này.	**Điều 143. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán** "1. Tổ chức kinh tế là công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, *quỹ thành viên* và các tổ chức kinh tế khác có vốn đầu tư nước ngoài phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.". **Bãi bỏ khoản 4 Điều 143**	- Tại khoản 1 Điều 143 làm rõ các loại hình *quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm cả quỹ thành viên* phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; tránh cách hiểu không rõ ràng về nghĩa vụ của các quỹ thành viên. - Khoản 4: Bỏ khoản này vì trùng lặp với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 139.
47	**Điều 149. Đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam**	**Bổ sung khoản 3a, 3b vào sau khoản 3, bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 149 như sau** **a) Bổ sung khoản 3a, 3b vào sau khoản 3 Điều 149 như sau:** *"3a. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;* *3b. Việc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể hiện chứng khoán đó đủ*	- Bổ sung để đảm bảo làm rõ nghĩa vụ của công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK; làm rõ để các doanh nghiệp, nhà đầu tư hiểu rõ việc đăng ký chứng khoán không thể hiện chứng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán.". **b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 149 như sau:** *"4a. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán đã đăng ký theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đối với yêu cầu cung cấp thông tin không đúng quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp thông tin và có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp;".*	khoán đáp ứng điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch. - Bổ sung quy định tại Điều 149 về việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật khi yêu cầu VSDC cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán phải có *yêu cầu cung cấp thông tin nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin*, là cơ sở cho VSDC thực hiện trên thực tiễn, đồng thời đảm bảo nguyên tắc về bảo mật thông tin của khách hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Chứng khoán.
48	**Điều 150. Tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm** 1. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm áp dụng đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán, ngoại trừ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch công cụ nợ.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 và bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 như sau** "1. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm áp dụng đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán, ngoại trừ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch công cụ nợ, trái phiếu doanh nghiệp.". **b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau** *"4a. Sau khi công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được thành lập để thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, việc thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm*	- Làm rõ đối với trái phiếu doanh nghiệp không thực hiện bù trừ, thanh toán theo cơ chế CCP. **Lý do:** + Đối với trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) riêng lẻ hiện không thực hiện bù trừ đa phương mà theo phương thức thanh toán tức thời theo từng giao dịch. + Đối với TPDN niêm yết: (i) Thị trường TPDN niêm yết tại Việt Nam hiện có quy mô nhỏ, chưa đủ để đảm bảo tính thanh khoản cao. Khi áp dụng mô hình CCP, yêu cầu về thanh khoản là rất lớn để bù đắp cho các giao dịch không thành công. Trường hợp lỗi thanh toán, nếu một thành viên bù trừ (TVBT) không hoàn thành

		theo quy định tại Nghị định này do công ty con thực hiện trên cơ sở phân công của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Đối với việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con thực hiện như quy định áp dụng đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại khoản 3 Điều 156 Nghị định này.".	nghĩa vụ thanh toán, CCP phải đứng ra đảm bảo việc thanh toán. Đối với TPDN niêm yết, tính thanh khoản thấp hơn nhiều so với cổ phiếu, gây khó khăn trong việc bán trái phiếu trên thị trường để thu hồi vốn. Khi gặp phải thanh khoản kém, TVBT có thể phải bán trái phiếu với mức giá chiết khấu lớn, dẫn đến tổn thất lớn không chỉ cho thành viên mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ thị trường, làm giảm giá trị các trái phiếu tương tự khác và gây ra hiệu ứng domino. (ii) TPDN hiện không quy định về mệnh giá tối đa nên thường có giá trị giao dịch và thanh toán lớn hơn nhiều so với giá trị giao dịch cổ phiếu. Vì vậy, trường hợp có lỗi thanh toán thì giá trị của giao dịch lỗi có thể rất lớn và làm tăng đáng kể áp lực tài chính lên TVBT và CCP do phải đứng ra đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng tới TVBT, CCP và toàn bộ thị trường như đã phân tích ở mục (i). Vì vậy, trong giai đoạn đầu khi triển khai cơ chế CCP, để đảm bảo an toàn cho hệ thống thanh toán thì chưa áp dụng cơ chế CCP đối với trái phiếu doanh nghiệp. - Bổ sung để căn cứ thực hiện phân công một số chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện cơ chế CCP quy định tại Nghị định này cho công ty con của mình thực hiện trên cơ sở nội dung Luật Chứng khoán sửa đổi vừa được thông qua; Làm rõ việc công ty con của VSDC được trích lập quỹ

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của chính mình (bên cạnh quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ do VSDC trích lập) để phục vụ cho công tác quản lý rủi ro, đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế CCP. Việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của VSDC thực hiện như quy định áp dụng đối với VSDC.
49	**Điều 151. Điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán** 1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đồng thời đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. **Điều 152. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán** 1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán bao gồm: d) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch	**Sửa đổi khoản 1 Điều 151 như sau:** "1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán. ". Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 152 tương ứng với nội dung sửa đổi tại khoản 1 Điều 151 (tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định)	Theo pháp luật ngân hàng (khoản 2 Điều 13 Thông tư 34/2024/TT-NHNN), NHNN chỉ cấp phép sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ. Trong khi Điều 151, Điều 152 Nghị định 155 quy định UBCKNN cấp phép sau khi NHNN chấp thuận. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung để thống nhất trình tự cấp phép giữa UBCKNN, NHNN.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.		
50	**Điều 156. Hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam** 1. Đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán ..đ) Từ chối thế vị đối với các giao dịch bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng quy định của pháp luật, giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên giao dịch không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của các thành viên này và các giao dịch không hợp lệ khác theo quy định của Bộ Tài chính;... 3. Trích 5% doanh thu hàng năm từ hoạt động nghiệp vụ đăng ký, lưu ký bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để xử lý rủi ro trong quá trình xử lý các nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Khoản trích lập này được tính vào chi phí của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi xác định thu nhập chịu thuế. Tổng mức trích quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ lũy kế không quá 30% vốn điều lệ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng	**Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 156 như sau:** **a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 156 như sau:** "đ) Từ chối thế vị đối với các giao dịch bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng quy định của pháp luật; giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên giao dịch không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của các thành viên này; giao dịch mà việc thực hiện thanh toán sẽ ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; giao dịch không hợp lệ khác theo quy định của Bộ Tài chính;". **b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 156 như sau:** "3. Trích 5% doanh thu hàng năm từ hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để xử lý rủi ro trong quá trình xử lý các nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Khoản trích lập này được tính vào chi phí của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi xác định thu nhập chịu thuế. Số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ không vượt quá 30% vốn điều lệ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ.".	- Bổ sung thêm trường hợp được từ chối giao dịch bất thường mà nếu thực hiện thanh toán có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn của hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để VSDC có cơ sở từ chối thực hiện thanh toán giao dịch trong các trường hợp đặc biệt như hệ thống giao dịch gặp sự cố dẫn tới không kiểm soát được giao dịch đặt vào hệ thống (về khối lượng, về giá...) hoặc trong điều kiện thị trường có biến động mạnh, TVBT mất khả năng thanh toán với khối lượng lớn mà nếu CCP thanh toán cho các giao dịch này sẽ dẫn đến việc mất khả năng khôi phục hoạt động, từ đó ảnh hưởng đến tính an toàn, ổn định và liên tục của thị trường. Sửa quy định về lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của VSDC tại Khoản 3 Điều 156 Nghị định 155 để bao quát nguồn doanh thu từ các hoạt động nghiệp vụ của VSDC; sửa đổi quy định về khống chế việc trích lập dựa trên mức trích lập tối đa để VSDC có thể bổ sung trích lập quỹ trong trường hợp số dư quỹ giảm sau khi được sử dụng.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	khoán Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ.		
51	**Điều 157** Chưa quy định	**Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 157 như sau:** *"3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán với ngân hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ.".*	Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; trong đó đã bổ sung quy định về quyền của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHLK) là thành viên bù trừ (TVBT) được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở, làm cơ sở cho Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý liên quan nhằm đưa quy định này vào thực tiễn. Về pháp luật chứng khoán, sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành thì quy định pháp lý cho việc triển khai cơ chế CCP cơ bản đã đầy đủ, đồng bộ. Tuy nhiên, trong thời gian NHNN chưa cấp phép cho NHLK làm TVBT hoặc sau khi NHNN cấp phép cho NHLK làm TVBT nhưng có NHLK chưa sẵn sàng, chưa đáp ứng đủ điều kiện làm TVBT, dự thảo Nghị định bổ sung

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			quy định "Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán với ngân hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ" để có cơ sở hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính cơ chế phối hợp giữa NHLK với CTCK là TVBT khi triển khai thực tế hoạt động bù trừ, thanh toán theo cơ chế CCP cho thị trường chứng khoán cơ sở
52	**Điều 169. Đối tượng, phạm vi và nguyên tắc thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm** 2. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc chung của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các nguyên tắc sau đây: a) Chứng khoán được đăng ký biện pháp bảo đảm phải là loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, không dùng để ký quỹ trong các giao dịch chứng khoán, không bị phong tỏa, tạm giữ và phải lưu ký trước khi thực hiện. Trong thời hạn đăng ký biện pháp bảo đảm, chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm phải được phong tỏa tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;	**Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 169 như sau:** "a) Chứng khoán được đăng ký biện pháp bảo đảm phải là loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, không dùng để ký quỹ trong các giao dịch chứng khoán, không bị phong tỏa, tạm giữ và phải lưu ký trước khi thực hiện. Trong thời hạn đăng ký biện pháp bảo đảm, chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm phải được phong tỏa tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được giữ nguyên việc đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch cho chứng khoán đó;".	Nội dung này được bổ sung trên cơ sở tiếp thu ý kiến của VASB và thành viên thị trường. Việc bổ sung quy định cho phép giữ nguyên tình trạng đăng ký biện pháp bảo đảm khi "chuyển sàn" đối với chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình xóa đăng ký biện pháp bảo đảm. Trên thực tế, nhiều trường hợp cổ đông là người quản lý có cổ phiếu đang đăng ký bảo đảm cho một nghĩa vụ thanh toán khác khi "chuyển sàn" phải xóa đăng ký biện pháp bảo đảm, rồi sau đó mới đăng ký hạn chế chuyển nhượng đáp ứng yêu cầu của VSDC và đồng thời bảo đảm lại cho mục đích thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba. Việc xóa đăng ký bảo đảm khi "chuyển sàn" rồi sau đó đăng ký hạn chế chuyển nhượng/bảo đảm lại dẫn đến rủi ro có thể xảy ra trong thời gian xóa bảo đảm, đồng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			thời phát sinh thêm thủ tục cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.
53	**Khoản 3 Điều 174 Quy định chung** 3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, các quyết định chấp thuận phải thực hiện đăng ký, điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Chế độ tài chính, kế toán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính."	**Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 174 như sau:** "3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận phải thực hiện đăng ký, điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Chế độ tài chính, kế toán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.".	Đề nghị bỏ đối tượng phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh là *"văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam"* do theo quy định tại Điều 78 Luật Chứng khoán, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được hoạt động kinh doanh chứng khoán.
54	**Điểm d khoản 2 Điều 178. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam:** "d) Tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 176 và các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 177 Nghị định này"	**Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 178 như sau:** "d) Báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được kiểm toán; trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (nếu có); và các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 176, các khoản 4, 5, 6 Điều 177 Nghị định này."	Đơn giản hóa hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam theo hướng không cần thiết phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán do theo quy định của một số nước, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ không bắt buộc phải lập BCTC hợp nhất kiểm toán. Ngoài ra, Điều 78 Luật Chứng khoán quy định điều kiện cấp phép văn phòng đại diện

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			không có điều kiện về tài chính đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài. Do đó, đề xuất trường hợp tổ chức nước ngoài là công ty mẹ, chỉ yêu cầu cung cấp báo cáo tài chính kiểm toán riêng, không nhất thiết phải cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất.
55	**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa có**	**Bổ sung Điều 202a vào sau Điều 202 như sau:** **"Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm** 1. Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm a) Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ; b) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm; c) Có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm; d) Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều	Bổ sung Điều 202a về chào bán chứng quyền có bảo đảm (hiện đang được quy định tại Thông tư số 107/2016/TT-BTC), do đây là một loại chứng khoán theo khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 6 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định về chào bán, phát hành chứng khoán, phù hợp với thẩm quyền quy định về thủ tục hành chính (TTHC). Các nội dung quy định về điều kiện, hồ sơ của chào bán chứng quyền về cơ bản hầu hết được kế thừa quy định từ Thông tư số 107/2016/TT-BTC, ngoại trừ các nội dung sau: 1. Về điều lệ – Thông tư 107 quy định hồ sơ phải có Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ, trong đó Điều lệ có quy định về quyền của người sở hữu chứng quyền. – Tại Dự thảo bỏ quy định Điều lệ Công ty quy định quyền của người sở hữu chứng

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		kiện chào bán, tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ; đ) Có tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi được ký quỹ tại ngân hàng lưu ký với giá trị tài sản bảo đảm ban đầu tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán hoặc được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký. Ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán; e) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; g) Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác. 2. Tổ chức phát hành chỉ được thực hiện chào bán bổ sung khi số lượng chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành vượt quá 80% số lượng chứng quyền có bảo đảm đó đã phát hành và thời gian còn lại của chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn lớn hơn 30 ngày. Chứng quyền có bảo đảm được chào bán bổ sung phải có các nội dung tương ứng của chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán lần đầu và thông tin điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm (nếu có), ngoại trừ số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán và giá đăng ký chào bán. 3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm a) Giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo Mẫu số 76A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành	quyền do xét về bản chất, người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm của Công ty, tương tự như trái chủ sở hữu trái phiếu có bảo đảm. Việc giải quyết quyền lợi cho NĐT tùy theo quy định của pháp luật và theo điều kiện ghi lại Bản cáo bạch (là thỏa thuận dân sự giữa Công ty và NĐT). 2. Các quy trình nghiệp vụ – Tại Thông tư 107 quy định hồ sơ chào bán bao gồm các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. – Tại Dự thảo NĐ không quy định các tài liệu này do đây là các quy trình liên quan đến hoạt động của Công ty. Khi công ty thực hiện bất kỳ dịch vụ, hoạt động nào cũng phải ban hành quy trình cho dịch vụ, hoạt động đó. Đây thuộc về hoạt động quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Việc đưa nội dung này vào Hồ sơ chào bán chưa phù hợp và chưa cân đối so với các Hồ sơ khác. 2.3. Về Nghị quyết ĐHĐCĐ Bỏ quy định về ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ, trong đó ghi được quyền chào bán chứng quyền và quyền của người sở hữu chứng quyền

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm; tổng hạn mức chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán so với giá trị vốn khả dụng của công ty; phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm, trong đó phương án phát hành phải nêu rõ: loại chứng quyền, kiểu chứng quyền, chứng khoán cơ sở, thời hạn của chứng quyền, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán, số lượng chứng quyền, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) hoặc nguyên tắc xác định giá thực hiện (chỉ số thực hiện). Trường hợp tại phương án phát hành chưa xác định giá giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện), Công ty phải xác định giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại Bản thông báo phát hành theo nguyên tắc đã được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua; d) Bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán; đ) Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; e) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký. Tài liệu này trong hồ sơ ban đầu nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể được thay thế bằng Hợp đồng nguyên tắc về	2.4. Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về sản phẩm mới (nếu có) Bỏ tài liệu "Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về sản phẩm mới (nếu có)" do không cần thiết. BCB đã đầy đủ thông tin. 3. Về tài sản bảo đảm – Thông tư 107 quy định tại thời điểm xem xét hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận, Tổ chức phát hành chỉ phải nộp về Hợp đồng nguyên tắc về ký quỹ hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán. Hợp đồng chính thức được nộp sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận (trong vòng 3 ngày). Quy định trên nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp chưa phải thực hiện ký quỹ ngay khi nộp hồ sơ. – Tại Dự thảo Nghị định quy định trước khi cấp Giấy chứng nhận (sau khi UBCKNN thông báo Công ty hoàn thiện thủ tục nộp Bản cáo bạch cuối cùng để cấp Giấy chứng nhận), Doanh nghiệp phải nộp Hợp đồng bảo đảm chính thức. Quy định này nhằm đảm bảo điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận phải có TSBĐ, vừa vẫn tạo điều kiện cho doanh nghiệp không phải ký quỹ ngay từ khi nộp hồ sơ mà chỉ phải nộp trước khi cấp Giấy chứng nhận (quy định tương tự

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký nhưng phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán. g) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán. 4. Tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin. 5. Trường hợp tổ chức phát hành đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm trong các đợt chào bán bổ sung hoặc các đợt chào bán lần đầu khác tiếp theo bao gồm tài liệu quy định tại điểm a, c, d, e, g khoản 3 Điều này và các tài liệu còn lại quy định tại khoản 3 Điều này nếu có nội dung mới hoặc thay đổi. 6. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được thực hiện như sau: a) Theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 41 Nghị định này. b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc yêu cầu hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 04 Bản cáo bạch chính thức để hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.	chào bán trái phiếu có bảo đảm quy định tại Điều 25 Nghị định 155) 4. Về trình tự thủ tục Thông tư 107 quy định về trình tự thủ tục chào bán chứng quyền với thời hạn ngắn hơn so với quy định về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng (thời gian phân phối 15 ngày thay cho 90 ngày; không quy định về thời hạn đăng ký mua thay cho thời hạn đăng ký mua của cổ phiếu, trái phiếu là 20 ngày). Tại dự thảo Nghị định quy định trình tự thủ tục tương tự như chào bán cổ phiếu, trái phiếu; đảm bảo thời hạn quy định chung cho chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán. Riêng thời hạn đăng ký mua, dự thảo Nghị định quy định tối thiểu 3 ngày (thay cho 20 ngày) – đảm bảo quy định về phân phối tại khoản 2 Điều 26 Luật Chứng khoán *"2. Tổ chức phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức đại lý phải phân phối chứng khoán công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày; trừ trường hợp chứng khoán chào bán là chứng quyền có bảo đảm, thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành"*.